

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ HA LÔ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội  
- Quý cổ đông

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

- Mã chứng khoán: HLO
- Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu Phố Khánh Lộc, Phường Tân Hiệp, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 0274.7301718 Fax: 02743.639738
- E-mail: fnc@halo.net.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

CTCP Công nghệ Ha Lô công bố thông tin về báo cáo thường niên năm 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/04/2025 tại đường dẫn <https://www.halo.net.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo thường niên năm 2025

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**KY MINH DU**



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

**2025**

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**



# MỤC LỤC

## THÔNG TIN CHUNG

|    |   |
|----|---|
| 6  | Thông tin khái quát   |
| 8  | Quá trình hình thành phát triển                                     |
| 11 | Ngành nghề & địa bàn kinh doanh                                     |
| 12 | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý |
| 14 | Định hướng phát triển   |
| 16 | Các rủi ro  |

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2025

|    |   |
|----|---|
| 22 | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh             |
| 24 | Tổ chức và nhân sự                                  |
| 25 | Tình hình đầu tư & thực hiện dự án                  |
| 32 | Tình hình tài chính                                 |
| 38 | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  |
| 40 | Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội |

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

|    |   |
|----|---|
| 64 | Hội đồng quản trị   |
| 70 | Ban kiểm soát   |
| 72 | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát |

## BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

|    |  |
|----|--|
| 48 | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh                                 |
| 49 | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý                          |
| 52 | Tình hình tài chính  |
| 54 | Kế hoạch phát triển trong tương lai  |
| 56 | Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty |

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

|    |                                     |
|----|-------------------------------------|
| 80 | Ý kiến kiểm toán                    |
| 82 | Báo cáo tài chính đã được kiểm toán |

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

|    |   |
|----|---|
| 60 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty           |
| 61 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc |
| 61 | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị                    |

## CHƯƠNG

# 1

### Thông tin chung

- 6 Thông tin khái quát
- 8 Quá trình hình thành phát triển
- 11 Ngành nghề & địa bàn kinh doanh
- 12 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 14 Định hướng phát triển
- 16 Các rủi ro

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Liên hệ

Tên tiếng Anh HALO TECHNOLOGIES JOINT STOCK COMPANY

Số điện thoại  
0274.7301718

Số fax  
02743.639738

Mã cổ phiếu HLO

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702308640, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 06/08/2025

Website  
www.halo.net.vn

Vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu 103.999.470.000 đồng

Địa chỉ  
Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu phố Khánh Lộc, Phường Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh

Logo



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### 2014 - Thành lập

**16/10/2014:** Công ty được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu 10 tỷ đồng. Trụ sở chính của công ty đặt tại bản đồ số 38, đường ĐT 747B, tổ 6, ấp Khánh Vân, phường Khánh Bình, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty lúc bấy giờ là mua bán các loại hóa chất dùng trong xử lý bề mặt kim loại.

### 2015 - Di dời trụ sở

**27/7/2015:** Công ty chuyển trụ sở chính đến thửa đất số 575 và 87 (sau này được gộp thành thửa đất số 1616), tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, Tp. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương..

### 2016 - Mở rộng quy mô và tăng vốn

**14/7/2016:** Công ty tăng vốn điều lệ lên 26 tỷ đồng để đầu tư xây dựng nhà xưởng hiện đại, trang bị hệ thống tự động hóa tiên tiến. Đồng thời, mở rộng phạm vi kinh doanh sang lĩnh vực mua bán, sản xuất, thi công và lắp đặt các thiết bị công nghiệp phục vụ ngành xi mạ, bao gồm dây chuyền xi mạ, hệ thống xử lý nước thải và hệ thống lọc không khí,...

**3/10/2016:** Công ty tăng vốn điều lệ lên 40 tỷ đồng để đầu tư tài sản cố định và thiết bị.

### 2017 - Hợp tác đầu tư và phát triển ngành nghề

**1/1/2017:** Nhà xưởng của công ty đã hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động, đạt công suất trung bình 2.500 hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm mỗi năm. Đến giữa năm 2017, công ty đã xuất xưởng lô hệ thống xi mạ đầu tiên.

**18/10/2017:** Công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh và chuyển nhượng 35% vốn điều lệ cho cổ đông nước ngoài.

### 2018 - Tăng trưởng vốn điều lệ

**Tháng 1/2018:** Vốn điều lệ Công ty được nâng lên 60 tỷ đồng để mở rộng hoạt động kinh doanh. Sau một thời gian nhà xưởng hoạt động, Công ty có nhiều hợp đồng giá trị lớn mang lại doanh thu, lợi nhuận cao.



### 2019 - Tiếp tục tăng vốn

**Tháng 1/2019:** Tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng nhằm phục vụ nhu cầu đầu tư mở rộng quy mô sản xuất

### 2023 - Trở thành công ty đại chúng

**24/5/2023:** Dựa theo Công văn số 3042/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 24 tháng 5 năm 2023, Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô chính thức được công nhận là công ty đại chúng. Sự kiện này thể hiện cam kết của công ty về tính minh bạch trong hoạt động.

**11/7/2023:** Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 09/2023/GCNCP-VSD cho công ty, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký ban đầu là 8 triệu cổ phiếu và mã chứng khoán là HLO. Công ty chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động và trở thành công ty đại chúng, mở ra bước ngoặt mới trong chiến lược phát triển dài hạn

### 2024 - Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên UpCoM

**24/6/2024:** 8 triệu cổ phiếu của Công ty chính thức được đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCoM.

### 2025 - Phát hành cổ phiếu để tăng vốn

**9/6/2025:** Công ty tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, thể hiện cam kết chia sẻ lợi ích với cổ đông và phát triển bền vững.



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

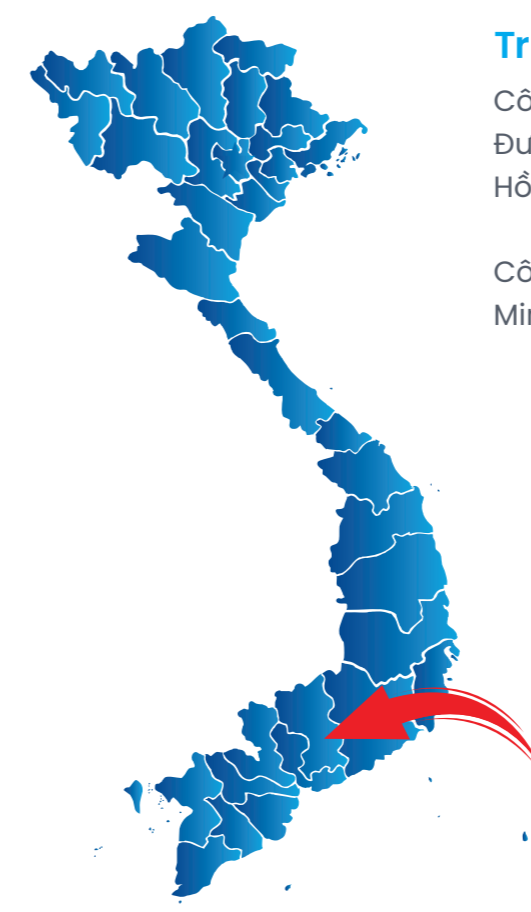
### 1 KINH DOANH

Bán buôn hóa chất xử lý bề mặt kim loại, nguyên liệu nhựa công nghiệp; máy móc thiết bị xi mạ, phụ tùng máy móc thiết bị, phụ kiện ngành công nghiệp.

### 2 SẢN XUẤT VÀ TƯ VẤN, QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Công ty chuyên về sản xuất và tư vấn về các thiết bị xi mạ, các hệ thống xử lý chất thải, lọc không khí, lọc nước.

## ĐỊA BÀN KINH DOANH



### Trụ sở chính

Công ty Ha Lô có địa chỉ tại Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu phố Khánh Lộc, Phường Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty sở hữu một xưởng sản xuất rộng 8.615 m<sup>2</sup> ở TP. Hồ Chí Minh, được trang bị nhiều thiết bị hiện đại, quy mô vừa và lớn.

### Thị trường nội địa

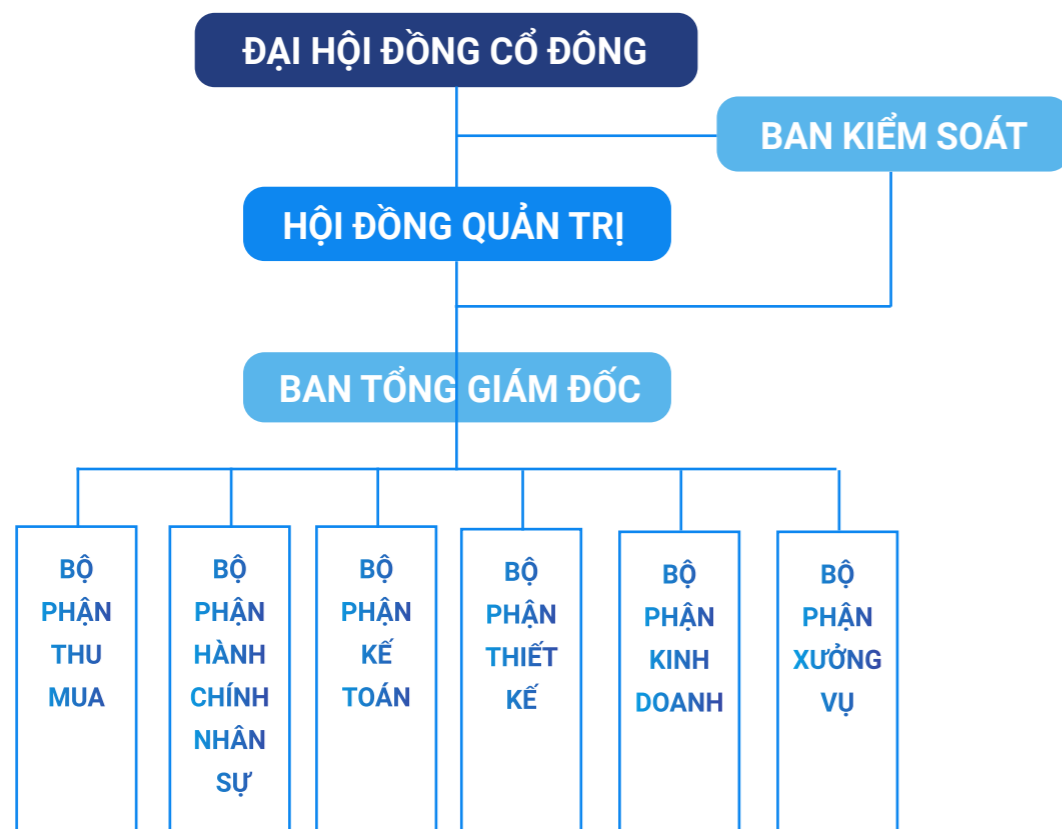
Công ty cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu ở các tỉnh và thành phố như TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh (Long An cũ), Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước, Hà Nội.

### Thị trường xuất khẩu

Các thị trường mục tiêu của Công ty là Thái Lan, Indonesia,...

# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

### Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

### Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm 09 thành viên và đóng vai trò là cơ quan quản lý của Công ty. Với tư cách đại diện cho các cổ đông, Hội đồng quản trị có toàn quyền thay mặt Công ty đưa ra quyết định về mọi vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo nhiệm kỳ chung của Hội đồng và có thể được tái bầu mà không giới hạn số lần. Hội đồng quản trị cũng tiến hành bầu Chủ tịch từ một trong các thành viên theo nguyên tắc quá bán.

### Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán – kiểm toán. Trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát đại diện cho cổ đông trong việc giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty và được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông.

Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát là đánh giá tính hợp lý và tuân thủ pháp luật trong hoạt động kinh doanh cũng như báo cáo tài chính của Công ty. Hoạt động một cách độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về các công việc do mình thực hiện.

### Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành và quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty. Đồng thời, Tổng Giám đốc báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

## CÔNG TY LIÊN KẾT

### CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TINH CÔNG

Địa chỉ

Lô 7 Đường số 2, KCN Tân Đông Hiệp A, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Vốn điều lệ thực góp

18.659.400.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu

20%

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA CÔNG TY

Trở thành doanh nghiệp dẫn đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp hệ thống dây chuyền, thiết bị, phụ kiện xi mạ và các dịch vụ hỗ trợ chuyên sâu cho ngành xi mạ.

Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, tận tâm trong phục vụ khách hàng, kết hợp với lực lượng công nhân lành nghề để đảm bảo chất lượng và độ tin cậy của mọi sản phẩm, dịch vụ.

Liên tục nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả điều hành của ban lãnh đạo, hướng tới vận hành tinh gọn, minh bạch và bền vững.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG & DÀI HẠN

Nâng cao kỹ năng và tay nghề cho toàn bộ đội ngũ nhân viên, hướng tới xây dựng nguồn lao động vững mạnh, chủ động và có tinh thần trách nhiệm. Đồng thời, triển khai chính sách đãi ngộ cạnh tranh để thu hút và giữ chân nhân sự cốt lõi – những người có chuyên môn sâu và thành tích vượt trội.

Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất, tối ưu chi phí và cải thiện chất lượng sản phẩm. Đổi mới công nghệ không chỉ giúp đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của khách hàng mà còn củng cố lợi thế cạnh tranh bền vững.

Quản lý cơ cấu nguồn vốn linh hoạt theo từng giai đoạn phát triển, đảm bảo khả năng chống chịu trong bối cảnh bất ổn và tận dụng hiệu quả các cơ hội tăng trưởng. Tập trung nguồn lực vào những hoạt động tạo ra giá trị cốt lõi thay vì đầu tư dàn trải, thiếu trọng tâm.

## CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

# 01

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về môi trường và chủ động cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn xanh, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững.

# 02

Thực hiện đầy đủ các chính sách lao động theo quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng hệ thống an sinh xã hội nội bộ vượt trội. Công ty chú trọng đầu tư vào đào tạo, phát triển năng lực và lộ trình thăng tiến cho cán bộ, nhân viên, nhằm khuyến khích sự gắn bó lâu dài và tạo dựng môi trường làm việc tích cực.

# 03

Gắn kết tăng trưởng kinh doanh với trách nhiệm xã hội, Công ty tích cực đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động thiết thực tại khu vực nơi doanh nghiệp hoạt động sản xuất.

## CÁC RỦI RO

### RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục trong lộ trình phục hồi, song đối mặt với sự phân hóa rõ rệt giữa các khu vực. Dù Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã cắt giảm lãi suất ba lần liên tiếp, đưa mặt bằng lãi suất về mức 3,50% - 3,75% và có khả năng giảm tiếp trong năm 2026. Vì vậy đây là một cơ hội cho việc thúc đẩy phát triển kinh doanh.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam nổi lên như một điểm sáng với đà tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. GDP năm 2025 đạt 8,02%, vượt xa mức trung bình khu vực, nhờ vào sự bứt phá của đầu tư công, phục hồi nhu cầu tiêu dùng trong nước và sức bật từ các hiệp định thương mại thế hệ mới. Chính phủ tiếp tục kiên định với mục tiêu tăng trưởng 10% vào năm 2026, qua đó thúc đẩy mạnh mẽ các dự án hạ tầng và công nghiệp hỗ trợ, tạo cơ hội rõ ràng cho các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp phụ trợ như HLO.

Đáng chú ý, tỷ giá VND/USD trong năm 2025 chứng kiến một xu hướng tăng mạnh do chịu ảnh hưởng từ hệ lụy của các chính sách tiền tệ mới của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump. Ở chiều hướng tích cực, điều này mang lại lợi thế giá trực tiếp cho các doanh nghiệp như HLO khi cung cấp thiết bị và hệ

thống xi mạ cho khách hàng xuất khẩu, đồng thời hỗ trợ mở rộng thị phần tại các thị trường ASEAN, Thái Lan và Indonesia.

Tuy nhiên, rủi ro vẫn hiện hữu. Sự phục hồi của ngành sản xuất công nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, ô tô và cơ khí, vẫn chưa đồng đều, khiến nhu cầu về thiết bị xi mạ và xử lý bề mặt có thể biến động theo chu kỳ đơn hàng. Ngoài ra, dù chi phí vốn toàn cầu có dấu hiệu giảm, mặt bằng lãi suất trong nước vẫn chưa rơi lòng đáng kể, gây áp lực lên các doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính.

Để ứng phó trước các biến động trên, HLO sẽ tiếp tục đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường bằng cách mở rộng sang khu vực ASEAN, Ấn Độ và tăng cường hợp tác trong nước, giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống. Đồng thời, Công ty chủ động tái cấu trúc nguồn vốn, kiểm soát chặt nhu cầu vay mới và ưu tiên sử dụng dòng tiền nội sinh để tài trợ cho hoạt động đầu tư, từ đó giảm rủi ro lãi suất và áp lực trả nợ. Những biện pháp này giúp HLO tăng tính chống chịu trước cú sốc vĩ mô và duy trì đà tăng trưởng ổn định.



### RỦI RO PHÁP LUẬT

Trong năm 2025, tiến trình hoàn thiện hệ thống pháp luật và cải cách thể chế tiếp tục được đẩy mạnh nhằm phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% và hướng tới mục tiêu chiến lược 10% vào năm 2026. Các chính sách mới liên quan đến thuế, môi trường, tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn lao động và trách nhiệm doanh nghiệp được ban hành với tần suất dày hơn và yêu cầu mức độ tuân thủ cao hơn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thiết bị công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ như HLO.

Một trong những điểm nổi bật là việc siết chặt quy định về phát thải công nghiệp và tiêu chuẩn "xanh" trong sản xuất. Theo Nghị định mới về quản lý chất thải nguy hại và Thông tư hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn ESG trong lĩnh vực sản xuất, doanh nghiệp phải lắp đặt hệ thống giám sát môi trường tự động, báo cáo định kỳ theo thời gian thực và đáp ứng các chỉ số carbon giới hạn. Điều này đòi hỏi HLO phải đầu tư thêm vào công nghệ xử lý khí thải, nước thải và tái chế phế liệu, gây áp lực lên chi phí vận hành nếu không được lên kế hoạch trước.

Bên cạnh đó, với tư cách là công ty đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, HLO chịu sự giám sát ngày càng chặt chẽ từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Năm 2025, Thông tư mới về minh bạch thông tin ESG và nghĩa vụ công bố rủi ro khí hậu chính thức có hiệu lực, yêu cầu doanh nghiệp phải tiết lộ đầy đủ rủi ro chuyển đổi và lộ trình giảm phát thải. Bất kỳ sai sót trong báo cáo hoặc chậm trễ trong công bố đều có thể dẫn đến hình phạt hành chính, ảnh hưởng đến uy tín thị trường và niềm tin nhà đầu tư. Thêm vào đó, quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng - đặc biệt qua các hiệp định như EVFTA, CPTPP và IPEF - cũng kéo theo những thay đổi trong tiêu chuẩn kỹ thuật và quy tắc xuất xứ. Khách hàng nước ngoài ngày càng yêu cầu sản phẩm phải đạt chứng nhận quốc tế (ISO 14001, RoHS, REACH...), buộc HLO phải liên

tục cập nhật hệ thống quản lý chất lượng và quy trình sản xuất để đáp ứng, đồng thời đối mặt với rủi ro bị loại khỏi chuỗi cung ứng nếu không kịp thích ứng.

Trước bối cảnh đó, Ban lãnh đạo Công ty đã và đang chủ động tăng cường năng lực pháp chế nội bộ, phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý và tích hợp đánh giá rủi ro pháp lý vào hoạch định chiến lược, nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh không chỉ tuân thủ đầy đủ mà còn đi trước một bước trong xu hướng phát triển bền vững và minh bạch.



## CÁC RỦI RO tt

### RỦI RO CẠNH TRANH

Năm 2025, mức độ cạnh tranh trong ngành công nghiệp phụ trợ, đặc biệt ở mảng thiết bị xi mạ và hệ thống xử lý bề mặt, tiếp tục gia tăng mạnh khi thị trường Việt Nam thu hút nhiều doanh nghiệp trong nước mở rộng sản xuất và nhà cung cấp nước ngoài gia nhập nhờ lợi thế tỷ giá VND/USD tăng mạnh kể từ đầu năm và cam kết hội nhập sâu rộng. Sự bùng nổ của các khu công nghiệp mới, cùng mục tiêu công nghiệp hóa hiện đại hóa hướng tới năm 2030, đã mở rộng quy mô thị trường nhưng đồng thời làm giảm mỏng biên lợi nhuận do áp lực giảm giá từ khách hàng và cạnh tranh về chi phí. Nhiều đối thủ cạnh tranh - từ các doanh nghiệp FDI với công nghệ tự động hóa cao đến các đơn vị nội địa linh hoạt về giá - đang tích cực mở rộng thị phần thông qua chiến lược giá cạnh tranh, chính sách hậu mãi hấp

dẫn và hợp tác chiến lược với tập đoàn lớn.

Trong bối cảnh đó, nếu HLO chậm đổi mới công nghệ, chưa tối ưu hóa chi phí hoặc chưa nâng cao trải nghiệm khách hàng một cách hệ thống, công ty có nguy cơ mất thị phần vào tay đối thủ, dù đã có nền tảng kỹ thuật vững. Mặc dù HLO đã và đang chủ động đầu tư vào R&D, ứng dụng giải pháp xanh, nâng cao chất lượng dịch vụ hậu mãi và tham gia tích cực vào các diễn đàn ngành, rủi ro suy giảm lợi thế cạnh tranh vẫn hiện hữu nếu tốc độ đổi mới không bắt kịp với kỳ vọng ngày càng cao của khách hàng và xu hướng toàn cầu về tự động hóa, số hóa và phát triển bền vững.

### RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Năm 2025, rủi ro môi trường đối với HLO không đến từ hoạt động sản xuất trực tiếp, mà chủ yếu phát sinh gián tiếp thông qua trách nhiệm sản phẩm, khi các thiết bị xi mạ do Công ty tư vấn, thiết kế và cung cấp phải đáp ứng ngày càng khắt khe các tiêu chuẩn về hiệu suất năng lượng, kiểm soát phát thải và xử lý chất thải trong quá trình vận hành của khách hàng.

cầu và yêu cầu từ các tập đoàn FDI, vốn là đối tác quan trọng của ngành công nghiệp phụ trợ, ngày càng đặt nặng tiêu chí “chuỗi cung ứng xanh”, buộc HLO phải chứng minh rằng thiết bị của mình không chỉ hiệu quả về kỹ thuật mà còn đóng góp vào mục tiêu giảm carbon và tiết kiệm tài nguyên của khách hàng.

Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hóa gắn với cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, các cơ sở xi mạ, dù là khách hàng của HLO, đang chịu sự giám sát chặt chẽ từ cơ quan chức năng thông qua hệ thống quan trắc tự động và báo cáo môi trường định kỳ. Nếu thiết bị do HLO cung cấp không đảm bảo tính tối ưu về tiêu thụ năng lượng, khả năng tái chế nước thải hoặc kiểm soát khí độc, khách hàng có nguy cơ vi phạm quy định, bị phạt hành chính hoặc buộc ngừng hoạt động, từ đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và trách nhiệm pháp lý của HLO. Thêm vào đó, xu hướng ESG toàn

Trước áp lực đó, HLO tiếp tục chủ động cập nhật tiêu chuẩn quốc tế (ISO 14001, RoHS, REACH), tích hợp công nghệ tiết kiệm năng lượng và hệ thống giám sát thông minh vào thiết kế thiết bị, đồng thời tăng cường tư vấn kỹ thuật về vận hành bền vững cho khách hàng. Tuy nhiên, nếu tốc độ đổi mới công nghệ hoặc mức độ nhận thức của thị trường không đồng đều, rủi ro về uy tín và thị phần do thiết bị “lỗi thời” về mặt môi trường vẫn là thách thức hiện hữu trong năm 2025.



### RỦI RO KHÁC

Trong năm 2025, tình hình thiên tai diễn biến bất thường và lan rộng trên phạm vi cả nước, với nhiều cơn bão mạnh liên tiếp đổ bộ từ Bắc vào Nam, mưa lớn kéo dài gây lũ quét, sạt lở đất tại khu vực miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ, đồng thời ngập úng nghiêm trọng tại các khu công nghiệp ở miền Nam do triều cường kết hợp mưa lớn. Những hiện tượng cực đoan này, dù mang tính bất khả kháng, vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây gián đoạn logistics, làm chậm tiến độ cung ứng nguyên vật liệu, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và phân phối của HLO, đặc biệt khi chuỗi cung ứng nội địa ngày càng phụ thuộc vào kết nối liên vùng. Và có khả năng sẽ chuyển hướng sang miền Nam Trung Bộ.

Bên cạnh đó, bất ổn địa chính trị và gián đoạn vận tải quốc tế cũng làm gia tăng rủi ro đứt gãy nguồn cung thiết bị nhập khẩu. Trước bối cảnh đó, HLO đã và đang duy trì bảo hiểm toàn diện cho tài sản, con người và hàng hóa, xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp theo từng kịch bản thiên tai, tổ chức huấn luyện định kỳ về phòng cháy chữa cháy, thoát hiểm và cứu hộ, đồng thời tăng cường kiểm tra, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng định kỳ để đảm bảo an toàn trước mùa mưa bão. Nhờ sự chuẩn bị chủ động và hệ thống phản ứng linh hoạt, HLO tin tưởng có thể giảm thiểu thiệt hại và duy trì tính liên tục trong hoạt động kinh doanh, ngay cả khi đối mặt với các rủi ro ngoài dự kiến.

# CHƯƠNG 2

## Tình hình hoạt động trong năm

- 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 24 Tổ chức và nhân sự
- 25 Tình hình đầu tư & thực hiện dự án
- 32 Tình hình tài chính
- 38 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 40 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

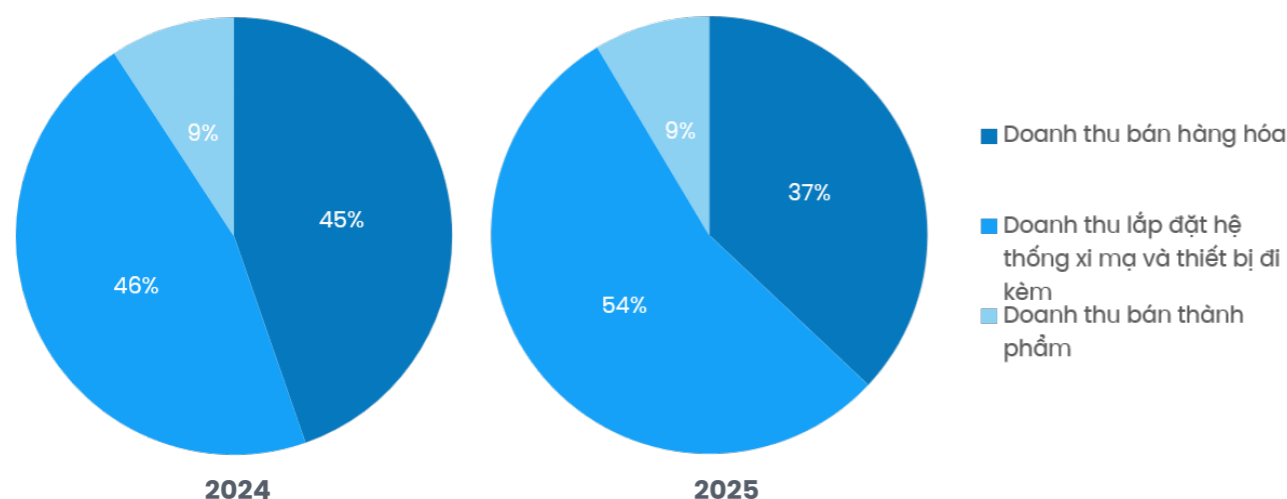


# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT  | Doanh thu   | Năm 2024       |             | Năm 2025       |             | % tăng, giảm   |
|--|---|----------------|-------------|----------------|-------------|----------------|
|  |   | Giá trị        | Tỷ trọng    | Giá trị        | Tỷ trọng    |                |
| 1  | Doanh thu bán hàng hóa                              | 48.920         | 44,68%      | 53.177         | 37,00%      | 108,70%        |
| 2  | Doanh thu lắp đặt hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm | 50.428         | 46,06%      | 78.211         | 54,42%      | 155,09%        |
| 3  | Doanh thu bán thành phẩm                            | 10.131         | 9,25%       | 12.326         | 8,58%       | 121,67%        |
| <b>Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> |   | <b>109.479</b> | <b>100%</b> | <b>143.714</b> | <b>100%</b> | <b>131,27%</b> |



Năm 2025, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Ha Lô đạt 143,71 tỷ đồng, tăng 31,27% so với năm 2024, phân bổ trên ba mảng kinh doanh với tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng có sự dịch chuyển rõ nét.

Mảng lắp đặt hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm chiếm 54,4%, tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột và là động lực tăng trưởng chính của Công ty khi đạt 78,21 tỷ đồng, tăng 55,09% so với năm 2024. Sự bứt phá này là kết quả của việc Ha Lô đã tích cực khai thác nguồn khách hàng mới và sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế.

Mảng bán hàng hóa (hóa chất và nguyên liệu công nghiệp) đạt 53,18 tỷ đồng, tăng 8,70% so với năm

2024, là nền tảng doanh thu ổn định của HLO khi luôn tăng trưởng nhất định qua các năm.

Mảng bán thành phẩm ghi nhận mức tăng trưởng 12,33 tỷ đồng, tương đương 21,67% so với cùng kỳ năm 2024. Đây là mảng có tỷ trọng thấp nhất nhưng có tốc độ cải thiện đáng được ghi nhận, phản ánh năng lực sản xuất nội bộ đang được nâng cao.

Nhìn tổng thể, cơ cấu doanh thu của Ha Lô trong năm 2025 dịch chuyển theo hướng tăng dần tỷ trọng mảng lắp đặt, là phân khúc có biên lợi nhuận cao và gắn liền với xu hướng công nghiệp hóa tại Việt Nam. Đây là tín hiệu tích cực về định vị chiến lược của Công ty trong dài hạn.

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

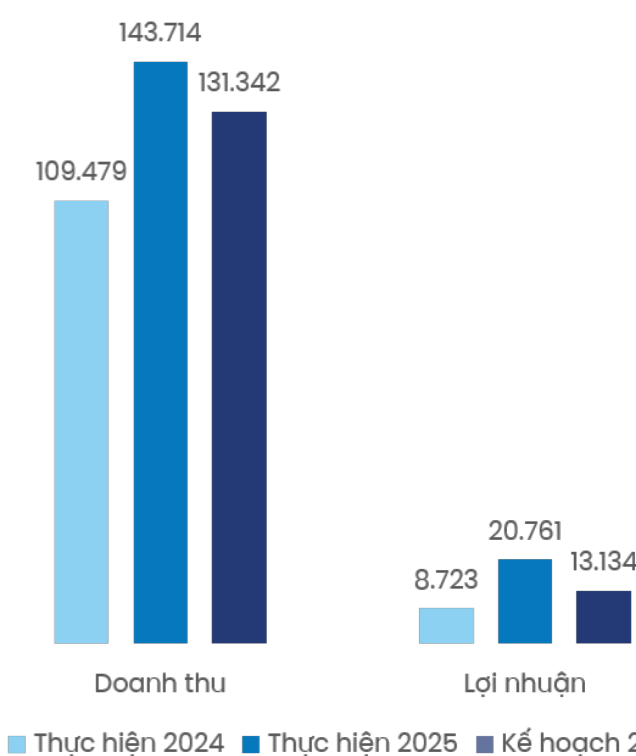
Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu           | Thực hiện 2024 | Thực hiện 2025 | Kế hoạch 2025 | % TH 2025/2024 | % TH/KH 2025 |
|--------------------|----------------|----------------|---------------|----------------|--------------|
| Doanh thu thuần    | 109.452        | 143.421        | 131.342       | 131,04%        | 109,20%      |
| Lợi nhuận sau thuế | 8.723          | 20.762         | 13.134        | 238,01%        | 158,08%      |

Năm 2025, HLO ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 20,76 tỷ đồng, tăng 138,01% so với năm 2024, vượt 58,08% so với kế hoạch đặt ra. Đây là mức tăng trưởng gần gấp 6 lần so với tốc độ tăng doanh thu, phản ánh sự cải thiện thực chất về chất lượng lợi nhuận của Công ty.

Trong năm, Công ty ghi nhận doanh thu đạt 143,42 tỷ đồng, tăng 31,04% so với năm 2024. Động lực chính của sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ mảng lắp đặt hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm, tăng 55,09% lên 78,21 tỷ đồng nhờ khai thác thành công các hợp đồng lớn từ khách hàng mới. Tốc độ tăng chi phí trong năm thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng doanh thu, tạo ra hiệu ứng đòn bẩy tích cực. Giá vốn hàng bán tăng 28,36%, thấp hơn mức tăng doanh thu 31,27%, giúp biên lợi nhuận gộp được cải thiện. Chi phí quản lý doanh nghiệp thậm chí giảm từ 7,35 tỷ xuống 5,96 tỷ đồng nhờ hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi 1,15 tỷ đồng.

Ngoài cải thiện từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, tăng trưởng lợi nhuận năm 2025 còn được hỗ trợ bởi hai yếu tố tài chính có tính chất không thường xuyên. Chi phí tài chính chuyển từ +3,99 tỷ sang -1,06 tỷ đồng do hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào Tinh Công và doanh thu tài chính tăng thêm 0,66 tỷ đồng nhờ lãi tiền gửi tạo ra khoản chênh lệch gần 5 tỷ đồng so với năm trước, đóng góp đáng kể vào mức tăng lợi nhuận tuyệt đối.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Thành viên       | Chức vụ                              | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------|--------------------------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Kỷ Minh Du       | Thành viên HĐQT<br>Tổng giám đốc     | 4.468.887          | 44,69%       |
| 2   | Hà Lệ Phương     | Thành viên HĐQT<br>Phó Tổng giám đốc | 300.637            | 3,01%        |
| 3   | Chang Chia Lin   | Phó Tổng giám đốc kinh doanh         | 0                  | 0%           |
| 4   | Zhang Jian Jun   | Phó Tổng giám đốc                    | 0                  | 0%           |
| 5   | Lê Thị Hồng Thắm | Kế toán trưởng                       | 79.600             | 0,80%        |



## LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

### Ông Kỷ Minh Du

Thành viên Hội đồng quản trị  
Tổng Giám đốc

Năm sinh 1970

Nơi sinh Đà Loan

#### Quá trình công tác

- Từ 1995 đến 2001 : Sang Việt Nam học tiếng Việt và tìm hiểu thị trường Việt Nam
- Từ 2002 đến 2004 : Nhân viên tại DNTN Việt Nhất
- Từ 2005 đến 05/2006 : Nhân viên tại Công ty TNHH Việt Nhất 3
- Từ 06/2006 đến 12/2012 : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Việt Nhất 3
- Từ 10/2007 đến 05/2013 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Nhất
- Từ 06/2013 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Nhất
- Từ 05/2016 đến nay : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô
- Từ 09/2018 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất
- Từ 06/2016 đến 04/2021 : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô
- Từ 04/2021 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

#### Số cổ phần nắm giữ

4.468.887 cổ phần, chiếm 44,69% vốn điều lệ

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

- Vợ: Tôn Nữ Bảo Vy: 997.625 cổ phiếu – tỷ lệ: 9,98%
- Chị gái: Chi Tsui Ling: 410.250 cổ phiếu – tỷ lệ: 4,1%
- Anh rể: Chao Leng Tso: 499.500 cổ phiếu – tỷ lệ: 4,995%



## LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

### Bà Hà Lệ Phương

Thành viên Hội đồng quản trị  
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh 1959

Nơi sinh TP. Hồ Chí Minh

#### Quá trình công tác

- Từ 1980 đến 1993 : Kinh doanh tự do trong lĩnh vực gốm sứ
- Từ 1994 đến 1999 : Giáo viên tiếng Trung tại trường tiểu học Tân Dân
- Từ 2000 đến 2006 : Giám đốc Công ty TNHH Việt Nhất
- Từ 2007 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghiệp Việt Nhất
- Từ 2014 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

#### Số cổ phần nắm giữ

300.637 cổ phần, chiếm 3,01% vốn điều lệ

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

Em: Hà Tịnh Nhi: 62 cổ phần – tỷ lệ: 0,00062%

Em: Hà Trọng An: 62 cổ phần – tỷ lệ: 0,00062%

Em: Hà Trọng Cảnh: 62 cổ phần – tỷ lệ: 0,00062%

Em: Hà Trọng Thiêm: 62 cổ phần – tỷ lệ: 0,00062%

### Ông Zhang Jian Jun

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh 1970

Nơi sinh Đài Loan

#### Quá trình công tác

- Từ 07/1992 đến 12/1995 : Học chuyên ngành kỹ thuật cơ điện tại Đại học Công nghệ Thiệu Dương
- Từ 08/1995 đến 03/1996 : Công việc phay/tiện tại Xưởng dụng cụ ăn, Thành Phố Nam Hải, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc
- Từ 05/1996 đến 04/2003 : Trưởng phòng cơ khí làm việc tại Công ty hữu hạn nguyên vật liệu xi mạ Thiên Thành, Thành Phố Đông Quan, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc
- Từ 05/2003 đến 09/2014 : Tổng Giám Đốc tại Công ty Thiết bị Cơ khí Liên Hưng Thành Phố Đông Quan, Thiết bị xử lý bề mặt kim loại, mua bán, sản xuất,
- Từ 10/2014 đến 03/2018 : Tổng Giám Đốc tại Công ty Thiết Bị Cơ Khí Dụ Hân, Thành Phố Đông Quan, Trung Quốc
- Từ 04/2019 đến nay : Làm việc tại Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô
- Từ 07/2021 đến nay : Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

#### Số cổ phần nắm giữ

0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

### Ông Chang Chia Lin

Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Năm sinh 1978

Nơi sinh Đài Loan

#### Quá trình công tác

- Từ 1994 đến 1999 : Quản lý sản xuất Công ty Nghĩa Xương
- Từ 1999 đến 2007 : Quản lý sản xuất Công ty Danh Tường
- Từ 2007 đến 2009 : Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Đài Triễn
- Từ 2009 đến 2017 : Giám đốc sản xuất tại Công ty TNHH Hưng Nhất
- Từ 2017 đến nay : Làm việc tại bộ phận kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô
- Từ 07/2021 đến nay : Phó Tổng Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

#### Số cổ phần nắm giữ

0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

### Bà Lê Thị Hồng Thắm

Kế toán trưởng

Năm sinh 1973

Nơi sinh Đồng Tháp

#### Quá trình công tác

- Từ 01/2003 đến 07/2004 : Nhân viên kế toán Công ty TNHH Xây Dựng Miền Nam
- Từ 09/2004 đến 12/2007 : Nhân viên kế toán Công ty TNHH Việt Nhất\_Tân Phú
- Từ 01/2008 đến 04/2009 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Việt Nhất\_Tân Phú
- Từ 05/2009 đến 03/2013 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Surtec Việt Nam
- Từ 06/2013 đến 10/2015 : Kế toán trưởng Công ty TNHH CNC Sài Gòn
- Từ 01/2016 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây Dựng Việt Nhất
- Từ 10/2014 đến 09/2023 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Ha Lô
- Từ 01/2016 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

#### Số cổ phần nắm giữ

79.600 cổ phần, chiếm 0,80% vốn điều lệ

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan

Em gái: Lê Thị Thúy Liên: 62 cổ phần – tỷ lệ: 0,00062%

Chị gái: Lê Thị Thanh Hồng: 62 cổ phần – tỷ lệ: 0,00062%

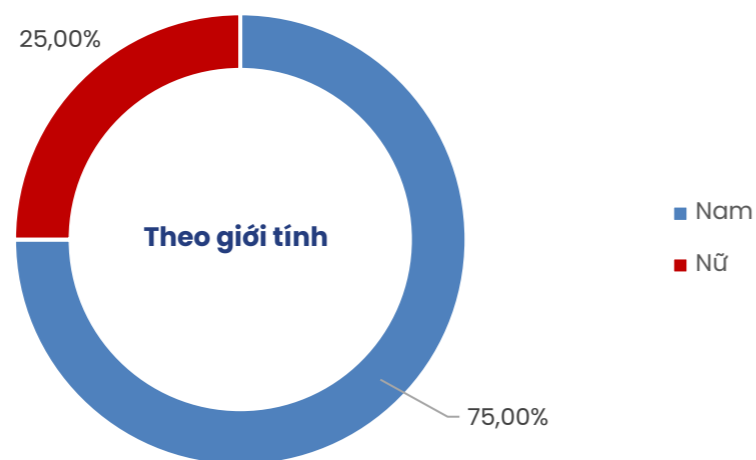
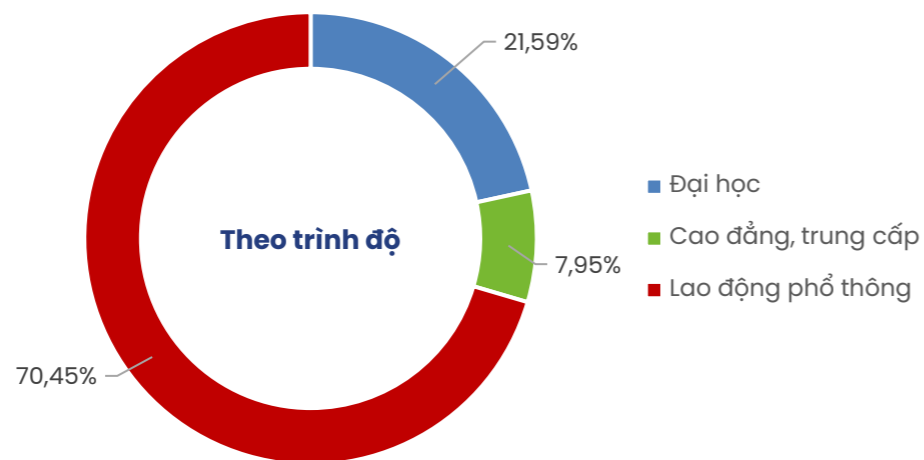
Chồng: Nguyễn Xuân Phú: 62 cổ phần – tỷ lệ: 0,00062%

Em trai: Lê Chí Tâm: 62 cổ phần – tỷ lệ: 0,00062%

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ tt

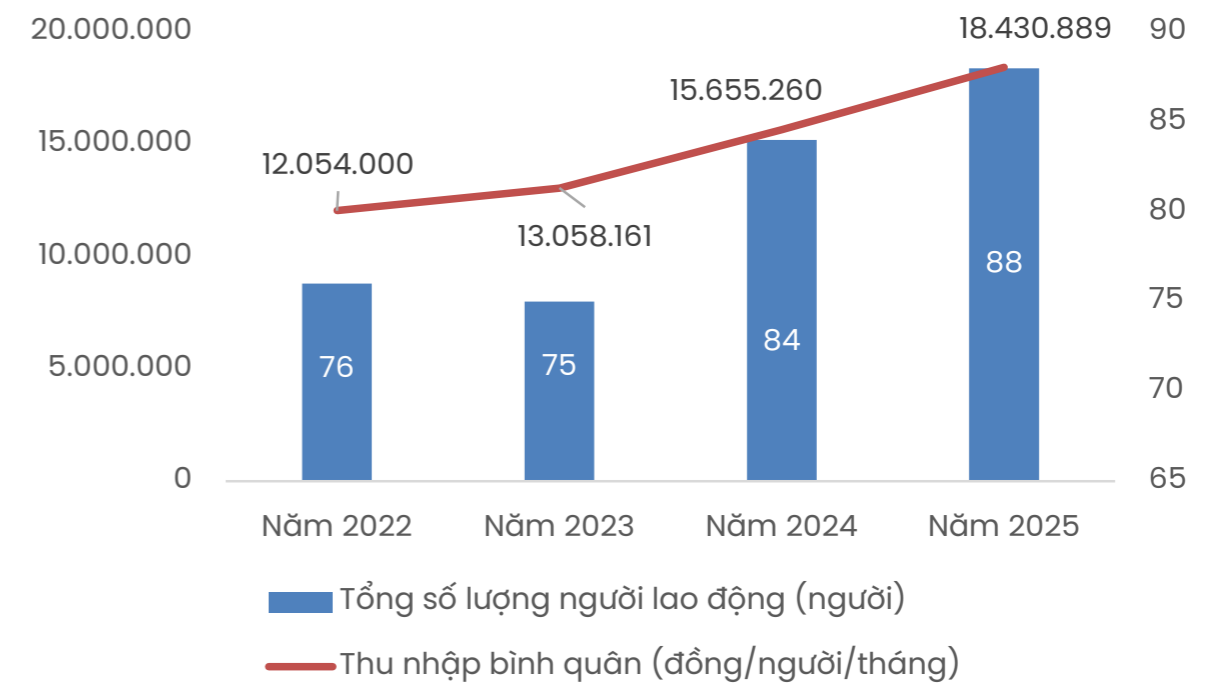
## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

| STT       | Tiêu chí                      | Năm 2024         |              | Năm 2025         |                |
|-----------|-------------------------------|------------------|--------------|------------------|----------------|
|           |                               | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%)   |
| <b>I</b>  | <b>Theo trình độ lao động</b> | <b>84</b>        | <b>100%</b>  | <b>88</b>        | <b>100,00%</b> |
| 1         | Đại học                       | 21               | 25%          | 19               | 21,59%         |
| 2         | Cao đẳng, trung cấp           | 9                | 11%          | 7                | 7,95%          |
| 3         | Lao động phổ thông            | 54               | 64%          | 62               | 70,45%         |
| <b>II</b> | <b>Theo giới tính</b>         | <b>84</b>        | <b>100%</b>  | <b>88</b>        | <b>100,00%</b> |
| 1         | Nam                           | 61               | 73%          | 66               | 75,00%         |
| 2         | Nữ                            | 23               | 27%          | 22               | 25,00%         |



## THU NHẬP BÌNH QUÂN

| Chỉ tiêu                              | Năm 2022   | Năm 2023   | Năm 2024   | Năm 2025   |
|---------------------------------------|------------|------------|------------|------------|
| Tổng số lượng người lao động (người)  | 76         | 75         | 84         | 88         |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 12.054.000 | 13.058.161 | 15.655.260 | 18.430.889 |



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ <sup>tt</sup>

### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

# 01

#### CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN

Với phương châm “Nhân lực là nền tảng cho sự thành công”, HLO không ngừng đầu tư vào đào tạo và phát triển năng lực đội ngũ. Công ty triển khai các chương trình đào tạo bài bản về chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và phát triển nghề nghiệp, giúp nhân viên không chỉ đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại mà còn xây dựng lộ trình phát triển bền vững. Qua đó, HLO vừa nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, vừa tăng cường lợi thế cạnh tranh, đồng thời tối ưu hiệu quả quản lý và vận hành toàn doanh nghiệp.

# 02

#### CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

HLO xây dựng kế hoạch nhân sự hàng năm trên cơ sở dự báo nhu cầu lao động theo từng bộ phận và diễn biến của thị trường lao động. Công ty chủ động đăng tải thông tin tuyển dụng qua nhiều kênh, đồng thời áp dụng quy trình tuyển chọn chặt chẽ để đảm bảo ứng viên được bố trí vào đúng vị trí phù hợp, từ đó tối ưu hiệu suất làm việc. Bên cạnh đó, HLO đặc biệt chú trọng đào tạo hội nhập và trang bị kỹ năng nền tảng ngay từ giai đoạn đầu, giúp nhân sự mới nhanh chóng làm quen, thích nghi và phát huy năng lực trong môi trường làm việc thực tế.



# 03

#### MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Công ty đặc biệt chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và công bằng, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định pháp lý trong nước và các tiêu chuẩn lao động quốc tế. Đồng thời, HLO luôn trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động đạt chuẩn cho công nhân, nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động và duy trì hiệu quả sản xuất ổn định.

# 04

#### CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG & PHÚC LỢI

Chính sách lương của HLO được xây dựng trên cơ sở tham chiếu hệ thống thang bảng lương theo quy định của Nhà nước, mặt bằng chung trong ngành và năng suất, hiệu quả làm việc của từng cá nhân. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các chế độ pháp lý về bảo hiểm, nghỉ phép và phúc lợi, Công ty còn áp dụng chính sách khen thưởng kịp thời để ghi nhận những đóng góp nổi bật của cá nhân và tập thể. Ngoài ra, các chương trình đãi ngộ và phúc lợi được thiết kế toàn diện nhằm nâng cao cả đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ, nhân viên, từ đó tạo động lực gắn kết, thúc đẩy phát triển đội ngũ nhân sự bền vững.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                          | Năm 2024 | Năm 2025 | % 2025/2024 |
|-----|-----------------------------------|----------|----------|-------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản              | 174.925  | 179.415  | 102,57%     |
| 2   | Doanh thu thuần                   | 109.452  | 143.421  | 131,04%     |
| 3   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 8.904    | 24.384   | 273,84%     |
| 4   | Lợi nhuận khác                    | 2.029    | 1.636    | 80,63%      |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế              | 10.934   | 26.020   | 237,98%     |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế                | 8.723    | 20.762   | 238,01%     |
| 7   | Tỷ lệ cổ tức                      | -        | -        | -           |

Năm 2025, HLO ghi nhận sự tăng trưởng đột phá trong các chỉ tiêu tài chính cốt lõi. Doanh thu thuần đạt 143,42 tỷ đồng, tăng thêm 33,97 tỷ đồng, tương đương mức 31,04% so với năm 2024. Động lực trực tiếp đến từ việc Công ty mở rộng tệp khách hàng mới trong năm trong bối cảnh nhu cầu đầu tư dây chuyền xử lý bề mặt của các doanh nghiệp sản xuất tiếp tục tăng.

Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận vượt xa tốc độ tăng doanh thu khi lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 173,84%, từ 8,90 tỷ lên 24,38 tỷ đồng, gấp hơn 5,6 lần mức tăng doanh thu. Trong đó, mảng lắp đặt hệ thống tích hợp tư vấn, thiết kế và thi công kỹ thuật đóng góp tới 82% tổng mức tăng doanh thu, kéo biên lợi nhuận gộp toàn Công ty cải thiện từ 24,48% lên 26,01%, tạo hiệu ứng đòn bẩy tích cực đối với mô

hình kinh doanh có tỷ trọng chi phí cố định cao như Ha Lô.

Tuy nhiên, ở một góc nhìn toàn diện hơn, mức tăng 138% lợi nhuận trước thuế không hoàn toàn đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi. Kết quả này được khuếch đại bởi sự đảo chiều tích cực từ các khoản chi phí ngoài vận hành. Cụ thể, chi phí tài chính chuyển từ dương sang âm nhờ hoàn nhập 1,21 tỷ đồng dự phòng đầu tư vào công ty liên kết Tinh Công và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 7,35 tỷ xuống 5,96 tỷ đồng nhờ hoàn nhập 1,15 tỷ đồng dự phòng nợ khó đòi. Để thấy, một tỷ trọng đáng kể mức tăng lợi nhuận năm 2025 có nguồn gốc từ các khoản hoàn nhập dự phòng mang tính bút toán kế toán. Đây là điểm cần lưu ý khi đánh giá tính bền vững của kết quả kinh doanh Ha Lô.

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

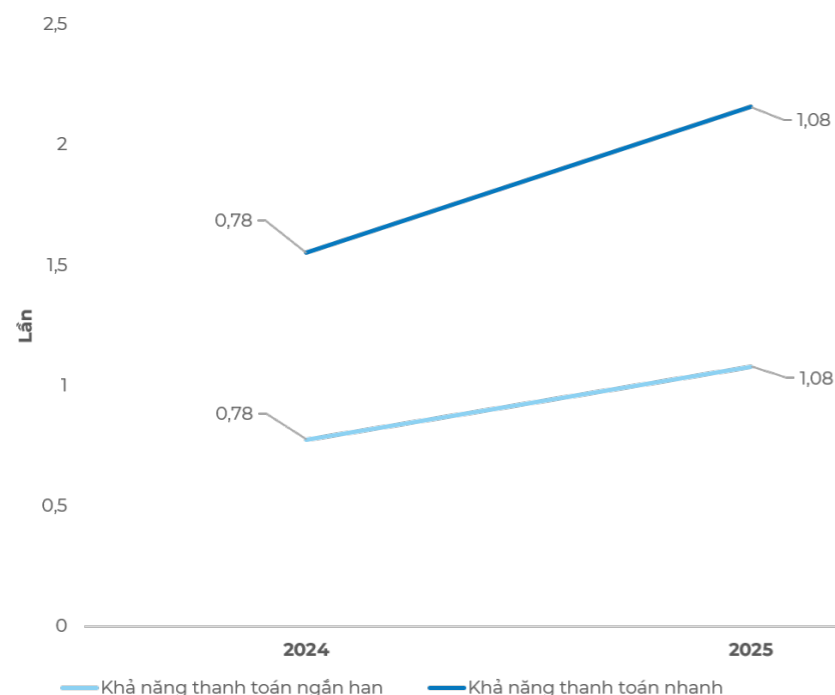
| STT                                    | Chỉ tiêu  | ĐVT  | 2024  | 2025  |
|--|---|------|-------|-------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> |   |      |       |       |
| 1                                      | Hệ số thanh toán ngắn hạn   | Lần  | 3,40  | 6,27  |
|  | Hệ số thanh toán nhanh  | Lần  | 2,08  | 4,08  |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>          |   |      |       |       |
| 2                                      | Hệ số nợ/Tổng tài sản   | %    | 19,55 | 9,99  |
|  | Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu  | %    | 24,3  | 11,10 |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>  |   |      |       |       |
| 3                                      | Vòng quay khoản phải trả  | Vòng | 6,56  | 11,08 |
|  | Vòng quay khoản phải thu  | Vòng | 6,22  | 7,58  |
|  | Vòng quay hàng tồn kho  | Vòng | 1,90  | 2,53  |
|  | Vòng quay tổng tài sản  | Vòng | 0,67  | 0,81  |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>   |   |      |       |       |
| 4                                      | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                          | %    | 7,97  | 14,48 |
|  | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                 | %    | 6,39  | 13,74 |
|  | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân                   | %    | 5,37  | 11,72 |
|  | Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần | %    | 8,14  | 17,00 |

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH tt

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU



#### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Khả năng thanh toán của Ha Lô cải thiện mạnh mẽ trong năm 2025, phản ánh bước chuyển biến tích cực trong cấu trúc tài chính. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 3,40 lần lên 6,27 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh tăng từ 2,08 lần lên 4,08 lần, đều ở mức cao so với ngưỡng an toàn (1,0 lần). Đáng chú ý, động lực cải thiện các chỉ số này của Ha Lô đến chủ yếu từ sự thu hẹp của nợ ngắn hạn, không phải từ tích lũy thêm tài sản.

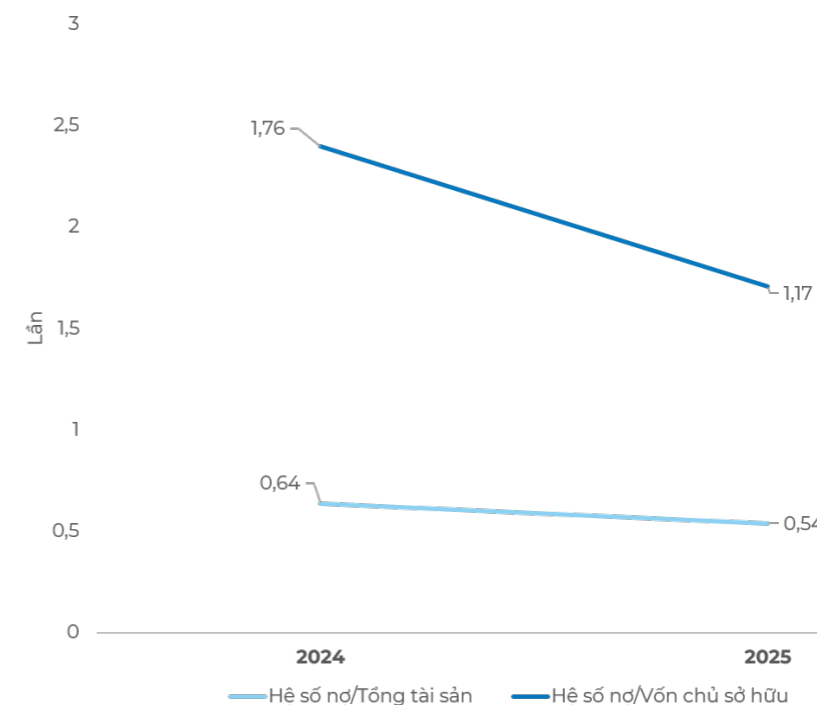
Trong khi tài sản ngắn hạn thực tế giảm nhẹ từ 115,42 tỷ xuống 112,37 tỷ đồng, tổng nợ ngắn hạn giảm mạnh từ 33,98 tỷ xuống còn 17,93 tỷ đồng, tương đương mức 47,24%. Đây là yếu tố trọng yếu tạo ra bước nhảy vọt trong cả hai hệ

số. Hai khoản mục giảm đáng kể nhất là phải trả người bán và người mua trả tiền trước. Sự sụt giảm của khoản phải trả người bán cho thấy Công ty đã chủ động thanh toán dứt điểm các nghĩa vụ với nhà cung cấp. Khoản người mua trả tiền trước cũng giảm mạnh, là tín hiệu tích cực về năng lực thực thi và bàn giao các hợp đồng lắp đặt hệ thống được đặt cọc của Ha Lô.

Tổng thể, mức hệ số thanh toán hiện tại ở vùng 6,27 lần và 4,08 lần cho thấy Ha Lô đang duy trì bộ đệm thanh khoản an toàn. Trong bối cảnh Công ty đang chuẩn bị mở rộng địa bàn kinh doanh, mức thanh khoản này trên thực tế phù hợp với nhu cầu đầu tư chiến lược trong giai đoạn tới.



#### CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



Cấu trúc vốn của Ha Lô ghi nhận sự cải thiện vượt bậc trong năm 2025 khi có xu hướng sụt giảm đồng thời các hệ số đòn bẩy tài chính. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 19,55% xuống còn 9,99%, trong khi hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu thu hẹp đáng kể từ 24,30% xuống mức 11,10%. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy Công ty đang chuyển dịch sang mô hình tài chính tự chủ, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các nguồn vốn bên ngoài và củng cố nền tảng tài chính nội tại một cách có hệ thống.

Sự chuyển dịch này là kết quả của tác động cộng hưởng từ hai phía. Về phía vốn chủ sở hữu, tổng nguồn vốn tăng 14,75% lên mức 161,49 tỷ đồng, chủ yếu đến từ đợt nâng vốn điều lệ thông qua

phát hành cổ phiếu thưởng và quyết định giữ lại toàn bộ 20,76 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế của Công ty. Về phía nợ, tổng nợ phải trả của Công ty giảm mạnh 47,58%, chỉ còn 17,93 tỷ, đến từ việc tắt toán dứt điểm các khoản phải trả người bán và hoàn tất nghĩa vụ bàn giao đối với các hợp đồng có tiền ứng trước.

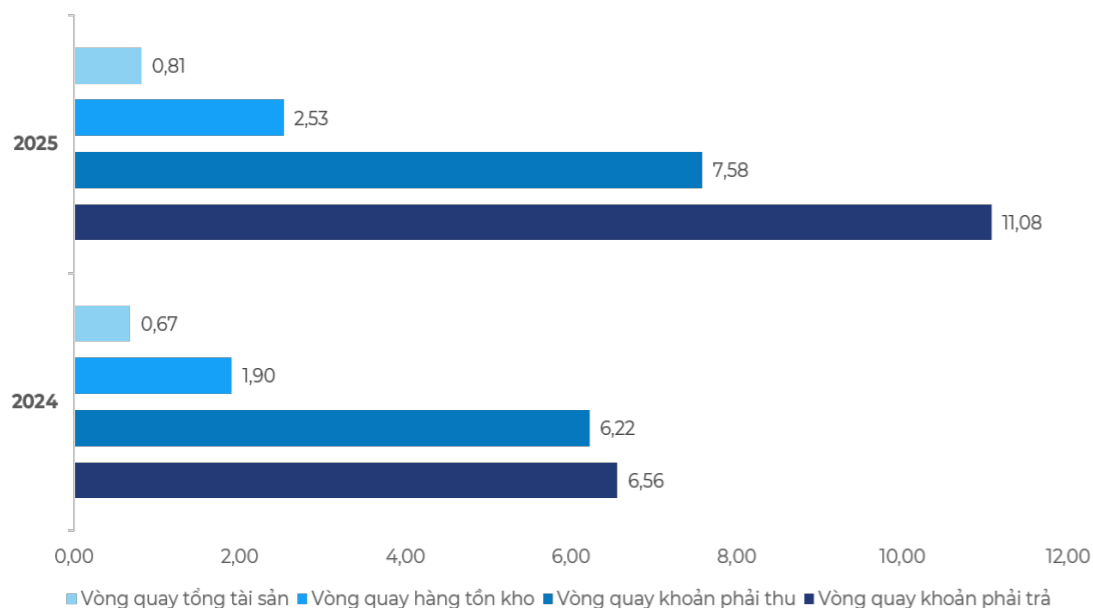
Với cơ cấu vốn hiện tại, Ha Lô hiện đang sở hữu một bảng cân đối kế toán lành mạnh và dư địa huy động vốn dồi dào. Đây chính là bước đệm chiến lược để Công ty triển khai các dự án đầu tư trọng điểm tại Đồng Nai, khi nhu cầu huy động vốn cho các tài sản dài hạn dự kiến sẽ phát sinh trong giai đoạn mở rộng sắp tới.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH tt

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU



#### CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Năm 2025 ghi nhận sự cải thiện toàn diện và đồng bộ trên tất cả các chỉ tiêu năng lực hoạt động của Ha Lô.

Điểm sáng nổi bật nhất đến từ chính sách quản lý công nợ với nhà cung cấp. Vòng quay khoản phải thu tăng vọt từ 6,56 vòng lên 11,08 vòng, kéo theo kỳ trả tiền bình quân rút ngắn mạnh từ 55,6 ngày xuống chỉ còn 33 ngày. Nguyên nhân trực tiếp đến từ việc nợ phải trả người bán giảm gần 80% từ 15 tỷ xuống 3,16 tỷ đồng và doanh số mua hàng tăng 61% từ 58,9 tỷ lên 94,9 tỷ đồng.

Song song đó, khả năng thu hồi công nợ cũng được cải thiện. Vòng quay khoản phải thu tăng từ 6,22 lên 7,58 vòng, giúp kỳ thu tiền bình quân giảm gần 11 ngày, từ 58,7 ngày xuống 48,2 ngày. Kết quả này đạt được nhờ doanh thu thuần tăng trưởng mạnh 31,04% từ 109,5 tỷ lên 143,42 tỷ đồng, nhanh hơn đáng kể so với tốc độ

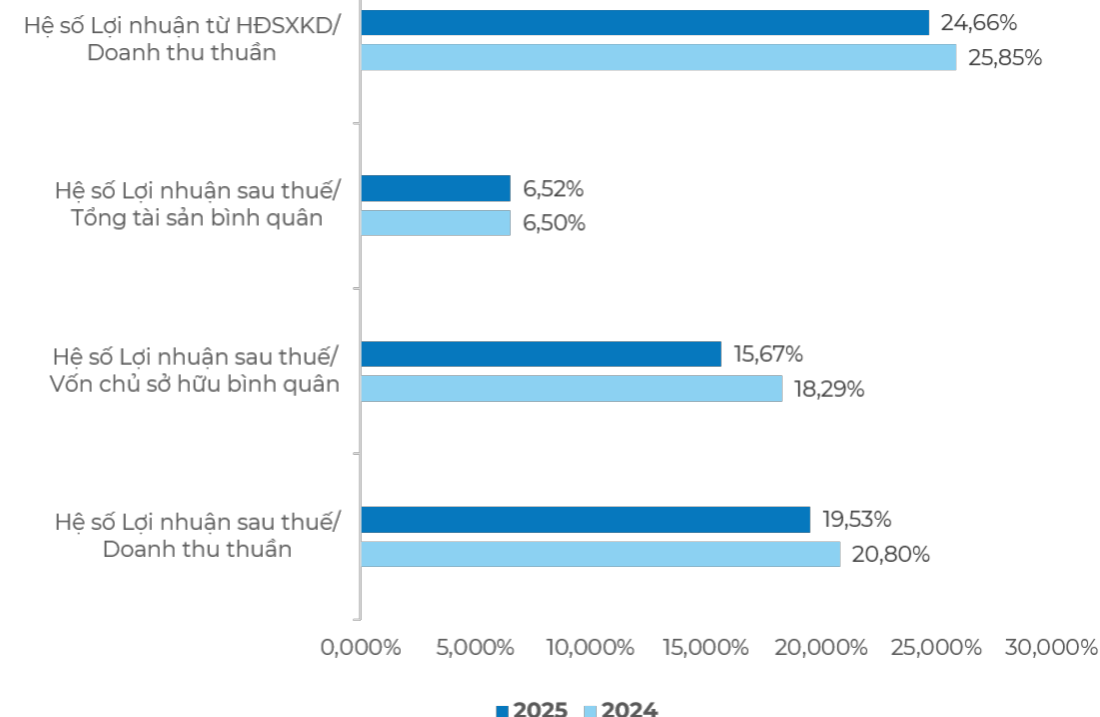
tăng khoản phải thu.

Hiệu quả quản lý hàng tồn kho cũng ghi nhận bước tiến đáng kể khi vòng quay hàng tồn kho tăng từ 1,90 lên 2,53 vòng, tương ứng số ngày luân chuyển giảm từ 192 ngày xuống 144 ngày. Nguyên nhân chính là giá vốn hàng bán tăng 28,36% trong khi hàng tồn kho bình quân chỉ tăng khoảng 12,35%.

Ngoài ra, vòng quay tổng tài sản cũng tăng từ 0,67 lên 0,81 vòng và kỳ luân chuyển rút ngắn từ 541 ngày xuống 451 ngày. Do đặc thù của Ha Lô là doanh nghiệp công nghệ và xây lắp, tài sản dài hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn và có chu kỳ sinh lời dài. Sự cải thiện này là hệ quả của tốc độ tăng doanh thu vượt trội so với mức độ mở rộng tài sản. Cùng với đó, vòng quay các khoản mục ngắn hạn đều cải thiện, kéo theo hiệu quả tổng thể được nâng cao.



#### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Năm 2025, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần tăng gần gấp đôi, từ 8,14% lên 17,00%. Nguyên nhân cốt lõi là chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 7,35 tỷ xuống 5,96 tỷ đồng nhờ hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi, trong khi doanh thu thuần tăng trưởng mạnh 31%.

Hệ số ROS cải thiện từ 7,97% lên 14,48%, vượt tốc độ tăng của biên lợi nhuận hoạt động, nhờ yếu tố đột biến từ chi phí tài chính. Hệ số ROA tăng từ 5,37% lên 11,72%, phản ánh hiệu quả khai thác tài sản được cải thiện toàn diện. Trong bối cảnh tổng tài sản bình quân không biến động lớn, lợi nhuận sau thuế tăng 138% đã kéo ROA tăng tương ứng. Điều này cho thấy Công ty không cần mở

rộng đáng kể quy mô tài sản để tạo ra mức lợi nhuận cao hơn khi hiệu quả vận hành đang được nâng cao. Hệ số ROE tăng gấp hơn hai lần từ 6,39% lên 13,74%, dù vốn chủ sở hữu bình quân tăng lên do Công ty phát hành thêm 20 tỷ đồng vốn điều lệ trong năm. Việc pha loãng vốn cho thấy lợi nhuận tăng trưởng đủ lớn để bù đắp hoàn toàn phần mẫu số mở rộng.

Nhìn tổng thể, năm 2025 đánh dấu bước chuyển biến thực chất trong khả năng sinh lời của Ha Lô, với toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng từ 181% đến 218% so với năm trước, là nền tảng cốt lõi để Công ty duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh trong những năm tới.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Không có

### CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Công nghệ Ha Lô đã hoàn tất việc mua 20% cổ phần tại Công ty Công nghiệp Tinh Công nhằm đa dạng danh mục tài sản và mở rộng hệ sinh thái sản xuất.

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## CỔ PHẦN

TỔNG SỐ CỔ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH

**10.000.000**

Cổ phiếu

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

**9.999.947**

Cổ phiếu



SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ

**53**

Cổ phiếu

LOẠI CỔ PHẦN

Cổ phần phổ thông

MỆNH GIÁ CỔ PHẦN

10.000 đồng/cổ phiếu

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 24/03/2026

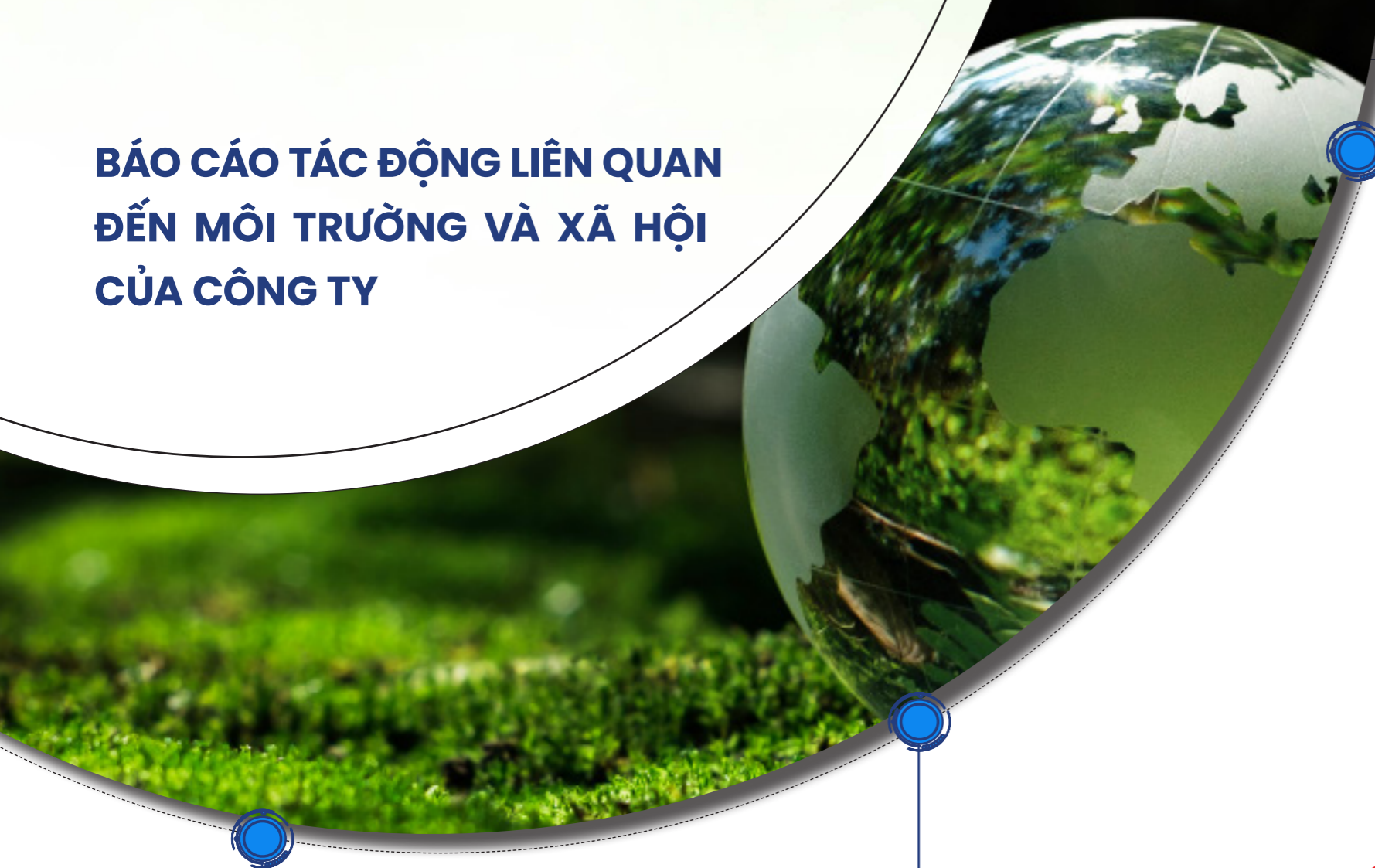
| STT              | Loại cổ đông              | Số cổ phần        | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|------------------|---------------------------|-------------------|------------------|
| I                | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>6.065.797</b>  | <b>60,66%</b>    |
| 1                | Cá nhân                   | 6.065.797         | 60,66%           |
| 2                | Tổ chức                   | 0                 | 0,00%            |
| II               | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>3.934.150</b>  | <b>39,34%</b>    |
| 1                | Cá nhân                   | 2.934.150         | 29,34%           |
| 2                | Tổ chức                   | 1.000.000         | 10,00%           |
| III              | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | <b>53</b>         | <b>0,00%</b>     |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>10.000.000</b> | <b>100%</b>      |

\*Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 100%

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Lần | Thời gian     | Vốn điều lệ trước tăng vốn | Vốn điều lệ tăng thêm | Vốn điều lệ sau khi tăng vốn | Cơ sở pháp lý   | Hình thức tăng vốn  |
|-----|---------------|----------------------------|-----------------------|------------------------------|---|---|
| -   | Tháng 10/2014 | -                          | -                     | 10                           | Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 16/10/2014  | Các cổ đông sáng lập góp vốn thành lập Công ty                      |
| 1   | Tháng 07/2016 | 10                         | 16                    | 26                           | Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2016/ND-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2016<br>Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 14/07/2016    | Chào bán cho cổ đông hiện hữu                                       |
| 2   | Tháng 10/2016 | 26                         | 14                    | 40                           | Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2016/ND-ĐHĐCĐ ngày 19/09/2016<br>Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 03/10/2016 | Chào bán cho cổ đông hiện hữu                                       |
| 3   | Tháng 01/2018 | 40                         | 20                    | 60                           | Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/01/2018<br>Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 15/01/2018 | Chào bán cho cổ đông hiện hữu                                       |
| 4   | Tháng 01/2019 | 60                         | 20                    | 80                           | Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/QĐ ngày 30/10/2018<br>Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh) cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 16/01/2019       | Chào bán riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược |
| 5   | Tháng 06/2025 | 80                         | 20                    | 100                          | Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025<br>Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 08/08/2025                                  | Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu  |

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



## TIÊU THỤ NƯỚC

HLO tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý và tối ưu hóa tiêu thụ nước nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và giảm thiểu tác động đến môi trường trong năm. Công ty đã đầu tư vào các hệ thống xử lý nước hiện đại, mở rộng phạm vi tái sử dụng nước trong sản xuất và sinh hoạt, đồng thời thiết lập các định mức tiêu thụ nước hợp lý cho từng khu vực, từ nhà máy đến văn phòng làm việc. Bên cạnh đó, HLO tăng cường giám sát quá trình sử dụng nước, triển khai các chương trình đào tạo và tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của nhân viên về việc tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên quan trọng này. Các biện pháp này giúp Công ty kiểm soát chi phí vận hành, giảm áp lực lên nguồn nước tự nhiên, đồng thời củng cố cam kết phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, phù hợp với xu hướng “xanh hóa” toàn cầu trong ngành công nghiệp hiện đại.



## TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp chuyên về tư vấn, thiết kế và sản xuất thiết bị xi mạ, HLO ý thức sâu sắc vai trò của mình trong việc giảm thiểu tác động môi trường và thúc đẩy sản xuất xanh - đặc biệt trong bối cảnh ngành công nghiệp ngày càng chịu áp lực từ các tiêu chuẩn môi trường khắt khe. Do đó, bảo vệ môi trường luôn là ưu tiên cốt lõi, song hành cùng chiến lược phát triển bền vững và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

HLO cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường, đồng thời đảm bảo mọi sản phẩm và quy trình thiết kế đều đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn và thân thiện với môi trường. Để hỗ trợ khách hàng vận hành hiệu quả và bền vững, Công ty liên tục đầu tư vào công nghệ tiên tiến, cải tiến thiết bị nhằm tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng và nâng cao hiệu quả xử lý chất thải ngay từ khâu thiết kế. Bên cạnh đó, HLO chủ động xanh hóa toàn bộ chuỗi giá trị nội bộ: từ việc lựa chọn nguyên vật liệu an toàn, tái chế được, đến giảm mức tiêu thụ điện - nước, kiểm soát phát thải và nâng cao hiệu suất vận hành. Qua đó, Công ty không chỉ giảm dấu chân sinh thái mà còn củng cố năng lực cạnh tranh dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

Bằng cách kết hợp công nghệ hiện đại với triết lý quản trị trách nhiệm, HLO không chỉ khẳng định vị thế thương hiệu mà còn thể hiện cam kết đồng hành cùng khách hàng hướng tới một nền công nghiệp sạch, an toàn và bền vững - nơi tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường.



## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiết kiệm năng lượng là một trong những ưu tiên quan trọng của HLO nhằm tối ưu hóa chi phí vận hành và giảm tác động đến môi trường. Công ty đã thiết lập các quy tắc nghiêm ngặt trong việc sử dụng điện, áp dụng đồng bộ trong cả hoạt động sản xuất lẫn tại văn phòng làm việc, đảm bảo mọi quy trình đều tuân thủ các tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng.

HLO không ngừng nghiên cứu và triển khai các biện pháp tối ưu hóa tiêu thụ điện, bao gồm đầu tư vào công nghệ sản xuất tiết kiệm năng lượng, sử dụng hệ thống chiếu sáng và thiết bị máy móc có hiệu suất cao, đồng thời nâng cao nhận thức của nhân viên về văn hóa tiết kiệm điện. Mục tiêu của Công ty không chỉ dừng lại ở việc giảm chi phí vận hành mà còn hướng tới đóng góp tích cực cho công tác bảo vệ môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển bền vững của ngành công nghiệp hiện đại.

Trong năm 2025, HLO tiếp tục đạt được kết quả tích cực trong việc thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng, phản ánh sự nghiêm túc và cam kết mạnh mẽ của Ban lãnh đạo cũng như toàn thể nhân viên. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh các sáng kiến nhằm tối ưu hóa tiêu thụ điện, hướng tới xây dựng một hệ thống sản xuất bền vững, thân thiện với môi trường và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành.

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY tt

## QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

HLO kiên định lấy chất lượng sản phẩm và trách nhiệm với môi trường làm nền tảng xuyên suốt trong mọi hoạt động tư vấn, thiết kế và sản xuất thiết bị xi mạ. Công ty triển khai hệ thống quản lý chất lượng toàn diện, được kiểm soát chặt chẽ ngay từ khâu lựa chọn nguyên vật liệu, ưu tiên các vật liệu an toàn, có khả năng tái chế và thân thiện với môi trường, nhằm bảo đảm hiệu suất vận hành tối ưu cũng như an toàn cho người lao động và khách hàng. Công tác nhập kho, lưu trữ và bảo quản nguyên vật liệu được tổ chức theo quy trình nghiêm ngặt, giúp

hạn chế tối đa hao hụt và hư hỏng, duy trì chất lượng đầu vào ổn định trong toàn bộ chuỗi sản xuất. Song song đó, HLO chủ động đầu tư công nghệ hiện đại và liên tục cải tiến quy trình vận hành, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên – phụ liệu, tối ưu chi phí và giảm thiểu phát sinh rác thải công nghiệp. Với định hướng phát triển bền vững, HLO không ngừng đổi mới để cung cấp các giải pháp và thiết bị xi mạ có độ chính xác cao, vận hành ổn định và tiết kiệm năng lượng, góp phần xây dựng nền công nghiệp xanh, hiện đại và thân thiện với môi trường.



## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh xu hướng xanh hóa và phát triển bền vững đang trở thành yêu cầu tất yếu trên phạm vi toàn cầu, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thiết kế và sản xuất thiết bị xi mạ, trong đó có HLO, phải chủ động đáp ứng những tiêu chuẩn ngày càng khắt khe về môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Việc tuân thủ các quy định về phát triển bền vững không chỉ là nghĩa vụ pháp lý, mà còn là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín thương hiệu, củng cố niềm tin của đối tác và tạo dựng lợi thế cạnh tranh dài hạn trong bối cảnh thị trường không ngừng thay đổi.

Với nhận thức sâu sắc về trách nhiệm đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng, HLO kiên định theo đuổi định hướng sản xuất xanh và an toàn. Công ty không ngừng cải tiến quy trình sản xuất theo hướng tiết kiệm tài nguyên, tối ưu hóa việc sử dụng nguyên vật liệu và năng lượng, đồng thời kiểm soát chặt chẽ các yếu tố có nguy cơ gây tác động tiêu cực đến môi trường. Các sản phẩm và thiết bị do HLO phát triển đều đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cao, bảo đảm hiệu suất vận hành tối ưu, an toàn cho người

sử dụng và thân thiện với môi trường trong suốt vòng đời sản phẩm.

Song song với đầu tư vào công nghệ và giải pháp kỹ thuật tiên tiến, HLO đặc biệt chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn với phát triển bền vững. Công ty thường xuyên tuyên truyền, đào tạo và nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ nhân viên về vai trò của bảo vệ môi trường, khuyến khích từng cá nhân chủ động giảm thiểu lãng phí năng lượng, sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu và áp dụng các giải pháp vận hành bền vững trong công việc hằng ngày.

Thông qua những nỗ lực nhất quán và lâu dài trong chiến lược phát triển bền vững, HLO tiếp tục khẳng định vị thế là doanh nghiệp tiên phong trong đổi mới công nghệ, hoạt động có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng. Không chỉ hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế ổn định, HLO còn đóng góp tích cực vào việc xây dựng một nền công nghiệp xanh, hiện đại và bền vững, phù hợp với xu thế phát triển chung của khu vực và thế giới.

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY tt

## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

### CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Để xây dựng một doanh nghiệp vững mạnh, HLO xác định nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt. Vì vậy, bên cạnh định hướng phát triển chiến lược, Công ty đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, năng động và gắn bó, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng trong dài hạn.

HLO luôn nỗ lực tạo dựng môi trường làm việc an toàn, cởi mở và tôn trọng, nơi mỗi cá nhân có điều kiện phát huy tối đa năng lực, duy trì tinh thần trách nhiệm và đạt hiệu suất công việc cao. Đồng thời, Công ty liên tục hoàn thiện chính sách phúc lợi, tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về lao động, đồng

### HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại HLO, đào tạo và phát triển nhân sự luôn được xác định là một trong những ưu tiên chiến lược, được triển khai liên tục và có hệ thống nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường khả năng thích ứng trong môi trường sản xuất – kinh doanh không ngừng biến động.

Công ty triển khai chương trình đào tạo hội nhập bài bản cho nhân viên mới, giúp họ nhanh chóng nắm bắt quy trình vận hành, nội quy và hòa nhập với văn hóa doanh nghiệp. Đồng thời, HLO chú trọng đào tạo chuyên sâu theo từng vị trí, bao gồm kỹ năng vận hành máy móc, nghiệp vụ sản xuất, kinh doanh

thời chăm lo toàn diện đến sức khỏe thể chất và tinh thần của cán bộ, nhân viên.

Bên cạnh đó, HLO tích cực thúc đẩy văn hóa hợp tác, sáng tạo và gắn kết nội bộ, nơi mọi thành viên được khuyến khích chia sẻ ý tưởng, học hỏi và phát triển không ngừng. Với chiến lược nhân sự bài bản và cam kết phát triển con người bền vững, HLO không chỉ duy trì sự ổn định nội bộ mà còn khơi dậy tinh thần chủ động, đồng lòng của toàn thể nhân viên trong hành trình kiến tạo một doanh nghiệp vững mạnh, bền vững và có giá trị lâu dài.

phát triển và thăng tiến nghề nghiệp.

Bên cạnh các khóa đào tạo nội bộ, HLO còn hỗ trợ tài chính để nhân viên tham gia các khóa học bên ngoài, từ đó mở rộng kiến thức chuyên môn, cập nhật xu thế công nghệ và nâng cao năng lực cá nhân. Nhờ đó, đội ngũ nhân sự ngày càng trở nên đa kỹ năng, linh hoạt và sẵn sàng đáp ứng những yêu cầu mới từ thị trường và công nghệ.

Với chiến lược đào tạo toàn diện và dài hạn, HLO không chỉ phát triển con người mà còn củng cố nội lực cốt lõi, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững trong



## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

HLO luôn nhận thức rõ rằng phát triển bền vững không chỉ đơn thuần là tăng trưởng kinh doanh, mà còn gắn liền với sự phát triển của cộng đồng. Với tinh thần trách nhiệm xã hội, Công ty tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ các chương trình vì cộng đồng và giúp đỡ những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Hàng năm, Công ty trích một phần lợi nhuận để đóng góp vào các Quỹ vì người nghèo, đồng thời tham gia các phong trào ý nghĩa như xây nhà tình

nghĩa, chương trình Nụ cười Hy vọng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân tại những khu vực nơi Công ty hoạt động.

HLO tin rằng, một doanh nghiệp không chỉ được đánh giá qua thành tựu kinh doanh mà còn qua những giá trị mà doanh nghiệp đó mang lại cho xã hội. Công ty cam kết sẽ tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng, lan tỏa tinh thần sẻ chia và góp phần xây dựng môi trường sống ngày càng tốt đẹp hơn.

## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Thị trường vốn xanh tại Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, được thúc đẩy bởi sự hỗ trợ tích cực từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhằm khuyến khích tài chính bền vững và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường cũng như xã hội. Việc mở rộng và hoàn thiện thị trường này không chỉ mở ra cơ hội cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, mà còn đóng góp vào quá trình phát triển bền vững của nền kinh tế quốc dân.

Nhận thức rõ vai trò và lợi ích từ xu hướng này, HLO luôn theo dõi sát sao các chính sách và quy định do UBCKNN ban hành, đồng thời chủ động cập

nhật các tiêu chuẩn quốc tế về tài chính bền vững và ESG. Công ty cam kết tuân thủ nghiêm túc các hướng dẫn của cơ quan quản lý và tích cực nghiên cứu, áp dụng các giải pháp tài chính xanh vào hoạt động sản xuất – kinh doanh.

HLO tin rằng việc tham gia vào thị trường vốn xanh không chỉ giúp doanh nghiệp tiếp cận những cơ hội tài chính mới, mà còn thể hiện trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng, từ đó góp phần xây dựng một nền kinh tế phát triển bền vững, minh bạch và có giá trị lâu dài.



# CHƯƠNG 3

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 48 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 49 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 52 Tình hình tài chính
- 54 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 56 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## NHỮNG THUẬN LỢI KHÓ KHĂN TRONG NĂM 2025

### THUẬN LỢI

#### Danh mục sản phẩm toàn diện

HLO cung cấp đầy đủ các sản phẩm, giải pháp và dịch vụ trong lĩnh vực xi mạ, đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng và đối tác. Năng lực triển khai đồng bộ từ thiết kế, chế tạo đến lắp đặt và vận hành giúp Công ty chủ động trong tổ chức sản xuất kinh doanh.

#### Năng lực công nghệ và trang thiết bị cạnh tranh

Hệ thống máy móc, thiết bị và công nghệ sản xuất được đầu tư, nâng cấp thường xuyên, bảo đảm tính hiện đại và hiệu quả vận hành. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu chi phí và duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

#### Sự đồng thuận và phối hợp nội bộ

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cổ đông, Ban Lãnh đạo và người lao động tạo nên nền tảng quản trị ổn định và hiệu quả. Tinh thần trách nhiệm và gắn kết nội bộ góp phần nâng cao năng lực điều hành, tối ưu hóa quy trình và cải thiện hiệu suất làm việc.

#### Nền tảng khách hàng ổn định

Bên cạnh việc phát triển sản phẩm, HLO đặc biệt chú trọng duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài với các khách hàng hiện hữu, đảm bảo nguồn cầu ổn định cho thiết bị xi mạ. Đồng thời, Công ty chủ động mở rộng mạng lưới với các khách hàng tiềm năng mới, tạo đà tăng trưởng dài hạn.

#### Lợi thế về vị trí và hạ tầng sản xuất

Nhà xưởng và cơ sở sản xuất của Công ty tọa lạc tại các vị trí thuận lợi cho hoạt động vận chuyển, phân phối và cung ứng dịch vụ. Hạ tầng phù hợp giúp Công ty tiết giảm chi phí logistics và nâng cao hiệu quả triển khai dự án.

# KHÓ KHĂN

#### Ảnh hưởng từ biến động kinh tế toàn cầu

Hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ tốc độ tăng trưởng kinh tế và xu hướng đầu tư của doanh nghiệp. Bối cảnh kinh tế thế giới còn tiềm ẩn nhiều bất ổn, cùng với biến động địa chính trị và thị trường tài chính, đã tác động đến nhu cầu khách hàng và chuỗi cung ứng.

#### Suy giảm đơn hàng và áp lực chi phí vận hành

Trong điều kiện thị trường chưa hoàn toàn phục hồi, nhu cầu đầu tư mới có xu hướng thận trọng hơn, ảnh hưởng đến khối lượng đơn hàng. Trong khi đó, các yếu tố chi phí như nhân công, nguyên vật liệu và logistics tiếp tục duy trì ở mức cao, tạo áp lực lên biên lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

#### Biến động giá nguyên vật liệu và tỷ giá

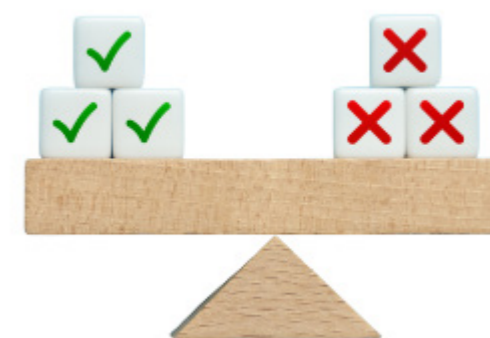
Công ty phụ thuộc vào một số nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu, do đó chịu tác động từ biến động tỷ giá và chi phí vận chuyển quốc tế. Sự thiếu ổn định của thị trường hàng hóa toàn cầu làm gia tăng rủi ro trong công tác kiểm soát giá thành sản xuất.

#### Mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng gia tăng

Số lượng doanh nghiệp tham gia lĩnh vực thiết kế và sản xuất thiết bị xi mạ không ngừng tăng lên, dẫn đến áp lực cạnh tranh gay gắt trên các khía cạnh: giá cả, chất lượng và dịch vụ. Trước bối cảnh đó, HLO buộc phải liên tục đổi mới công nghệ, tinh gọn chi phí và nâng cao năng lực sản xuất để giữ vững vị thế trên thị trường.

#### Yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe

Các quy định về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đang được siết chặt, yêu cầu doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ xử lý chất thải, vận hành theo mô hình "xanh" và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế. Dù đây là cơ hội để nâng cao uy tín, điều này cũng đặt ra thách thức lớn về chi phí và nguồn lực, đòi hỏi HLO phải xây dựng chiến lược phát triển bền vững dài hạn.



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH tt

### NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2025 ghi nhận nhiều bước tiến quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và nghiên cứu phát triển của HLO. Tận dụng hiệu quả lợi thế cạnh tranh và nguồn lực sẵn có, Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện dịch vụ khách hàng, qua đó củng cố uy tín thương hiệu và gia tăng sự hài lòng của đối tác. Điểm nhấn trong năm là hoàn thiện và đưa vào ứng dụng rộng rãi hệ thống xử lý khí thải ba cấp mang thương hiệu Ha Lô – giải pháp công nghệ thuần cơ học dành riêng cho khí thải chứa hỗn hợp aerosol dầu và bụi kim loại siêu mịn trong ngành cơ khí. Các thông số vận hành tối ưu như tốc độ dòng khí 70 m/s tại ống Venturi hay cơ chế tách dầu bằng bọt khí siêu nhỏ tại bể tuyển nổi đã được xác lập, khẳng định năng lực làm chủ công nghệ của đội ngũ kỹ thuật.

Về phát triển thị trường, Công ty đẩy mạnh mở rộng sang các tỉnh lân cận, tập trung vào khu công nghiệp có thể mạnh cơ khí, từng bước gia tăng độ phủ và phát triển hệ thống khách hàng mới là các nhà máy sản xuất ốc vít, linh kiện điện tử và gia công cơ khí chính xác. Chính sách ưu đãi, chương trình chăm sóc khách hàng và hoạt động tiếp thị được triển khai linh hoạt, phù hợp thực tế, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định. Kết quả ứng dụng thực tế cho thấy, hệ thống của Ha Lô giúp các nhà máy giảm hơn 90% nồng độ hơi dầu trong khí thải, tiết kiệm 60-70% lượng nước vận hành nhờ cơ chế tuần hoàn khép kín và cắt giảm 40-50% chi phí vận hành so với công nghệ đốt plasma hay hấp thụ axit truyền thống.

Song song đó, công tác dự báo, phân tích và đánh giá thị trường được tăng cường theo định kỳ nhằm kịp thời ứng phó với biến động, hạn chế rủi ro và đảm bảo sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả. Công tác kiểm soát chi phí và quản lý đầu tư được thực hiện chặt chẽ, sử dụng vốn hợp lý, nâng cao hiệu quả đầu tư và sẵn sàng nắm bắt cơ hội khi thị trường thuận lợi.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển tiếp tục được chú trọng. Công ty tích cực nghiên cứu, cải tiến và phát triển sản phẩm mới theo xu hướng khoa học – kỹ thuật tiên tiến. Đặc biệt, định hướng phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường được đẩy mạnh, thể hiện cam kết đồng hành cùng mục tiêu phát triển bền vững, hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn và trách nhiệm xã hội.

Những kết quả đạt được trong năm 2025 là nền tảng vững chắc để Công ty tiếp tục củng cố tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động và hướng tới mục tiêu tăng trưởng ổn định, bền vững trong những năm tiếp theo, đồng thời khẳng định vị thế doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực cung cấp giải pháp công nghệ môi trường ở Việt Nam.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm qua, HLO đã triển khai nhiều giải pháp nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao hiệu quả quản trị và tối ưu hóa hệ thống chính sách nội bộ. Cụ thể:

### Hoàn thiện và tinh gọn cơ cấu tổ chức

HLO đã tiến hành rà soát tổng thể cơ cấu tổ chức nhằm đảm bảo tính tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng phát triển dài hạn. Các phòng ban được sắp xếp lại theo hướng rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm, tăng cường sự phối hợp liên phòng và hạn chế chồng chéo trong công việc. Việc phân cấp, ủy quyền được điều chỉnh hợp lý hơn, góp phần nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của đội ngũ quản lý các cấp.

### Chuẩn hóa hệ thống chính sách và quy trình nội bộ

Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình quản lý theo hướng minh bạch, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn hoạt động. Các quy định nội bộ được rà soát, cập nhật kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát và giảm thiểu rủi ro vận hành. Việc chuẩn hóa quy trình giúp tối ưu thời gian xử lý công việc, nâng cao chất lượng điều hành và tăng cường tính tuân thủ trong toàn Công ty.

### Nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực

Công ty đã điều chỉnh và bổ sung các chính sách nhân sự theo hướng gắn với hiệu quả công việc và kết quả thực hiện mục tiêu. Chính sách tiền lương, khen thưởng và phúc lợi được xây dựng theo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng và khuyến khích hiệu suất, qua đó tạo động lực cho người lao động và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

### Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

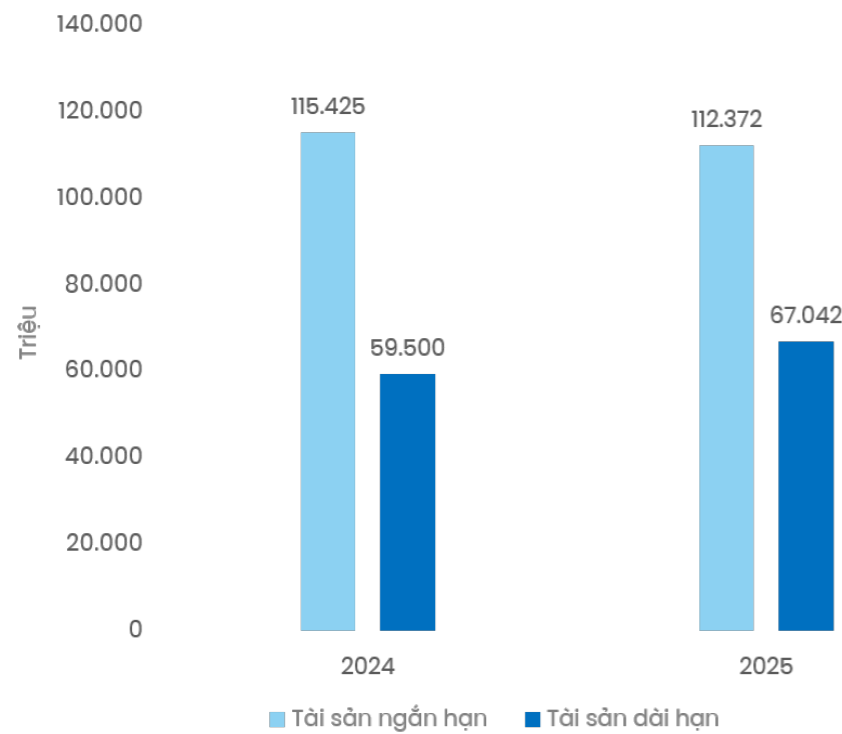
HLO chú trọng triển khai các chương trình tập huấn và đào tạo chuyên sâu nhằm cập nhật kiến thức quản lý hiện đại cho đội ngũ quản lý các cấp, đồng thời tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên. Hoạt động đào tạo được thực hiện định kỳ, bám sát nhu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của Công ty, qua đó nâng cao năng lực toàn diện của đội ngũ nhân sự, đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu công việc trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu            | 31/12/2024     |                | 31/12/2025     |             | TH 2025/<br>TH 2024 |
|---------------------|----------------|----------------|----------------|-------------|---------------------|
|                     | Giá trị        | Tỷ trọng       | Giá trị        | Tỷ trọng    |                     |
| Tài sản ngắn hạn    | 115.425        | 65,99%         | 112.372        | 62,63%      | 97,36%              |
| Tài sản dài hạn     | 59.500         | 34,01%         | 67.042         | 37,37%      | 112,68%             |
| <b>Tổng tài sản</b> | <b>174.925</b> | <b>100,00%</b> | <b>179.415</b> | <b>100%</b> | <b>102,57%</b>      |



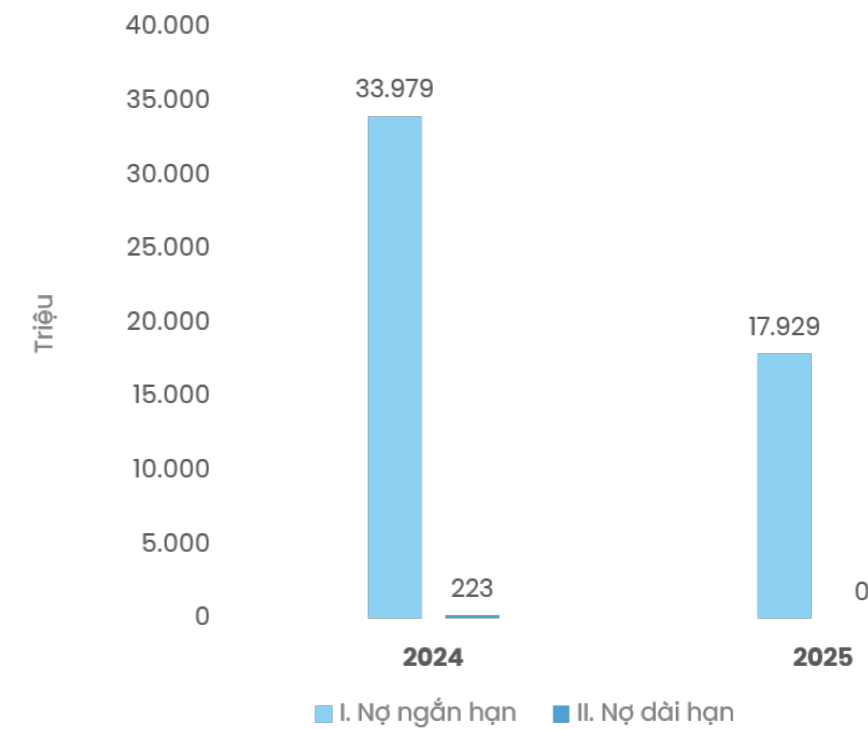
Sự dịch chuyển đáng chú ý nhất trong cơ cấu tài sản năm 2025 là tỷ trọng tài sản dài hạn tăng từ 34,01% lên 37,37%, dù tài sản ngắn hạn vẫn chiếm ưu thế. Bản chất của sự dịch chuyển này không đến từ việc Công ty tăng mạnh đầu tư tài sản cố định mà chủ yếu do khoản tạm ứng dài hạn 7,6 tỷ đồng cho Tổng Giám đốc để chuẩn bị thuê đất tại Đồng Nai và đầu tư tài chính dài hạn tăng nhờ hoàn nhập dự phòng Tinh Công. Điều này phản ánh Ha Lô đang trong giai đoạn chuẩn bị mở rộng địa bàn sản xuất nhưng chưa hiện thực hóa thành tài sản cố định cụ thể. Cũng vì vậy, khoản tạm ứng lớn này cần được theo dõi sát về tiến độ triển khai.

Ở phía tài sản ngắn hạn, dù tỷ trọng giảm nhưng chất lượng được cải thiện rõ nét. Tiền và tương đương tiền giảm mạnh từ 25,8 tỷ xuống 13,7 tỷ, phần lớn được chuyển sang tiền gửi có kỳ hạn với lãi suất 5-6%/năm, nâng đầu tư tài chính ngắn hạn từ 24 tỷ lên 36,2 tỷ đồng. Công ty đang tối ưu hóa sinh lời trên lượng tiền nhàn rỗi thay vì để tài khoản không kỳ hạn. Hàng tồn kho giảm từ 44,8 tỷ xuống 39,2 tỷ, phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh được đẩy mạnh, song mức tuyệt đối vẫn còn cao so với quy mô doanh thu. Đây là điểm cần tiếp tục cải thiện trong thời gian tới.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu                | 31/12/2024    |                | 31/12/2025    |             | TH 2025/<br>TH 2024 |
|-------------------------|---------------|----------------|---------------|-------------|---------------------|
|                         | Giá trị       | Tỷ trọng       | Giá trị       | Tỷ trọng    |                     |
| Nợ ngắn hạn             | 34.202        | 99,35%         | 17.929        | 100,00%     | 52,76%              |
| Nợ dài hạn              | 223           | 0,65%          | 0             | 0,00%       | 0,00%               |
| <b>Tổng nợ phải trả</b> | <b>34.425</b> | <b>100,00%</b> | <b>17.929</b> | <b>100%</b> | <b>52,42%</b>       |



Trong năm 2025, tổng nợ phải trả giảm gần 50%, từ 34,2 tỷ xuống 17,9 tỷ đồng, với nợ ngắn hạn giảm hơn 50% và nợ dài hạn giảm hoàn toàn bằng 0. Khoản mục phải trả người bán giảm từ 15 tỷ xuống 3,16 tỷ đồng do Công ty thanh toán dứt điểm các khoản tồn đọng từ năm 2024, đặc biệt với Easy Good Limited. Đồng thời, người mua trả tiền trước giảm mạnh từ 11,1 tỷ xuống 3,7 tỷ đồng, cho thấy Công ty đã bàn giao và ghi nhận doanh thu cho các hợp đồng lớn đã nhận ứng trước.

Nhìn tổng thể, cơ cấu nguồn vốn của Ha Lô năm 2025 đang nghiêng mạnh về vốn chủ sở hữu với tỷ lệ nợ trên tổng tài sản chỉ còn khoảng 10%, mức rất thấp phản ánh nền tảng tài chính lành mạnh và khả năng tự chủ vốn cao. Đây vừa là lợi thế về an toàn tài chính, song cũng đặt ra câu hỏi về việc liệu Công ty có đang khai thác đòn bẩy tài chính một cách tối ưu để tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu trong giai đoạn tăng trưởng hay không.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu           | Thực hiện năm 2025 | Năm 2026 |                            |
|--------------------|--------------------|----------|----------------------------|
|                    |                    | Kế hoạch | % tăng giảm so với TH 2025 |
| Doanh thu thuần    | 143.421            | 150.592  | 105,00%                    |
| Lợi nhuận sau thuế | 20.762             | 15.059   | 72,53%                     |
| Tỷ lệ cổ tức       | -                  | -        | -                          |

Kế hoạch năm 2026 được xây dựng trên cơ sở đánh giá bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, đặc biệt là giá nguyên vật liệu và chi phí đầu vào có xu hướng gia tăng.

Công ty định hướng duy trì tăng trưởng doanh thu nhằm giữ vững và mở rộng thị phần. Tuy nhiên, lợi nhuận dự kiến giảm so với năm 2025 do biên lợi nhuận chịu áp lực từ chi phí đầu vào tăng, đồng thời Công ty chủ động điều chỉnh chính sách kinh doanh và gia tăng đầu tư nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững trong các năm tiếp theo.



### HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong thời gian tới, Công ty tập trung chiến lược mở rộng thị trường cả trong nước và quốc tế, đặc biệt ưu tiên khai thác hiệu quả phân khúc khách hàng tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp trọng điểm. Song song với việc củng cố thị phần hiện hữu, Công ty đẩy mạnh tìm kiếm và phát triển các mối quan hệ hợp tác quốc tế nhằm mở rộng mạng lưới đối tác, nâng cao năng lực cạnh tranh và từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Công ty tiếp tục đặt trọng tâm vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật ngày càng cao của thị trường. Hoạt động kiểm soát chất lượng được tăng cường xuyên suốt từ khâu nguyên vật liệu đầu vào đến sản xuất và phân phối, hướng tới sự ổn định, đồng bộ và bền vững.

Việc ứng dụng công nghệ số vào quản trị và vận hành được xem là nhiệm vụ then chốt trong giai đoạn phát triển mới. Công ty sẽ triển khai các giải pháp chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất, quản lý tồn kho, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng. Qua đó, nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu lãng phí và gia tăng lợi thế cạnh tranh.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì chính sách bán hàng linh hoạt, xây dựng các chương trình ưu đãi và chính sách giá phù hợp với từng nhóm khách hàng và từng thời điểm thị trường. Công tác quản trị rủi ro cũng được chú trọng, đặc biệt là các rủi ro liên quan đến biến động kinh tế vĩ mô, tài chính, tỷ giá và chuỗi cung ứng, nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra ổn định, an toàn và hiệu quả.

### HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU

Công ty xác định nghiên cứu và phát triển là nền tảng quan trọng cho tăng trưởng dài hạn. Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh nghiên cứu các dòng sản phẩm mới, tích hợp công nghệ tiên tiến, đáp ứng xu hướng tự động hóa và hiện đại hóa trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Đồng thời, Công ty tập trung phát triển các sản phẩm và quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, tối ưu hóa mức tiêu thụ năng lượng, giảm phát thải và nâng cao hiệu suất sử dụng tài nguyên. Định hướng

này nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn ESG và các quy định pháp lý ngày càng khắt khe, đồng thời thể hiện cam kết phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Công ty cũng chủ động mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt là các viện nghiên cứu, trường đại học và tổ chức khoa học công nghệ, nhằm tiếp cận thành tựu công nghệ mới, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và gia tăng giá trị sản phẩm.

### PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi quyết định sự phát triển bền vững của Công ty. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả; nâng cao năng lực quản trị và tối ưu hóa quy trình phối hợp giữa các bộ phận.

Công ty đẩy mạnh các chương trình đào tạo và phát triển nhân sự, tập trung nâng cao kỹ năng quản lý, chuyên môn kỹ thuật, năng lực vận hành hệ

thống và khả năng thích ứng với chuyển đổi số. Việc xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao không chỉ đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh hiện tại mà còn tạo nền tảng cho chiến lược phát triển dài hạn. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục cải thiện chính sách phúc lợi, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và gắn kết, tạo động lực để người lao động đồng hành và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của doanh nghiệp.

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm kiểm soát và giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu môi trường trọng yếu như quản lý chất thải, tiêu thụ năng lượng, sử dụng nước và kiểm soát phát thải đều được theo dõi định kỳ, đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

Công ty đã tăng cường đầu tư, cải tiến quy trình vận hành theo hướng tiết kiệm năng lượng, tối ưu sử dụng tài nguyên và hạn chế phát sinh chất thải. Công tác phân loại, thu gom và xử lý chất thải được thực hiện đúng quy định; các biện pháp phòng ngừa rủi ro môi trường được triển khai đồng bộ nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất.

Nhờ đó, các chỉ tiêu môi trường trong năm cơ bản được kiểm soát tốt, không phát sinh sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục nâng cao tiêu chuẩn quản lý môi trường, hướng tới phát triển bền vững, giảm phát thải và gia tăng các sáng kiến thân thiện với môi trường, phù hợp với chiến lược dài hạn của Công ty và xu hướng phát triển chung của thị trường.

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời không ngừng cải thiện hệ thống chính sách nhân sự nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và củng cố tinh thần làm việc của cán bộ, nhân viên. Quyền lợi về tiền lương, thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác được đảm bảo kịp thời, minh bạch và phù hợp với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc công bằng, tôn trọng và tạo điều kiện phát triển cho người lao động. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và nâng cao kỹ năng quản lý được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao năng lực đội ngũ nhân sự, đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao. Công tác an toàn, vệ sinh lao động được thực hiện nghiêm túc; trong năm không ghi nhận sự cố lao động nghiêm trọng ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của người lao động.

Với những nỗ lực trên, HLO khẳng định cam kết không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực quản trị nguồn nhân lực, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, xây dựng doanh nghiệp sản xuất xanh, đồng thời gia tăng giá trị thương hiệu và trách nhiệm đối với cộng đồng.



### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động tại địa phương, Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, đảm bảo hoạt động không gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống và sinh hoạt của người dân xung quanh.

Trong năm, Công ty tích cực tham gia và đồng hành cùng các chương trình an sinh xã hội, hoạt động từ thiện, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn và đóng góp vào các quỹ vì cộng đồng do địa phương phát động. Các hoạt động này được triển khai minh bạch, phù hợp với điều kiện thực tế và gắn liền với định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Việc thực hiện tốt trách nhiệm xã hội không chỉ góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của Công ty mà còn tạo nền tảng cho mối quan hệ hợp tác bền vững với chính quyền và cộng đồng địa phương. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ cộng đồng, gắn kết hoạt động sản xuất kinh doanh với lợi ích chung của xã hội, hướng tới sự phát triển hài hòa và lâu dài.



## CHƯƠNG

# 4

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 60 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty
- 61 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 61 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH

Trong năm qua, hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty ghi nhận bước tăng trưởng vượt trội trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Các chỉ số hiệu quả hoạt động vượt kế hoạch đề ra và cơ cấu doanh thu bền vững. Công ty đã chủ động thích ứng với diễn biến của thị trường, linh hoạt điều chỉnh chính sách kinh doanh và tối ưu hóa chi phí, qua đó duy trì năng lực cạnh tranh và ổn định dòng tiền. Công tác quản lý tài chính được thực hiện thận trọng, đảm bảo an toàn vốn và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

### VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị đánh giá trong năm qua, công tác quản lý và điều hành của Công ty được triển khai đồng bộ, bám sát định hướng chiến lược và các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hoạt động sản xuất - kinh doanh được duy trì ổn định, các chỉ tiêu cơ bản được thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo sự an toàn, ổn định và hiệu quả trong vận hành.

Hệ thống quản trị nội bộ tiếp tục được củng cố và hoàn thiện; các quy trình quản lý tài chính, kiểm soát chi phí và quản trị rủi ro được thực hiện chặt chẽ, minh bạch, phù hợp với quy định pháp luật và Điều

### VỀ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Hội đồng Quản trị xác định phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt trong chiến lược hoạt động của Công ty. Trong năm qua, Công ty đã triển khai và duy trì các chính sách quản lý môi trường - xã hội một cách nghiêm túc, đảm bảo mọi quyết định kinh doanh đều được xem xét thận trọng về tác động đến môi trường và cộng đồng.

Công ty đã xây dựng và vận hành quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, đồng thời tối ưu hóa quy trình vận hành nhằm giảm thiểu chất thải và khí thải phát sinh. Các biện pháp tiết kiệm năng



lượng Công ty. Công tác tổ chức bộ máy, phân công nhiệm vụ và phối hợp giữa các bộ phận được thực hiện hợp lý, góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Hội đồng Quản trị ghi nhận những kết quả đạt được trong công tác quản lý, điều hành, đồng thời đề nghị tiếp tục đẩy mạnh đổi mới quản trị, ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa quy trình hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông trong thời gian tới.

lượng, quản lý tài nguyên hiệu quả và xử lý chất thải theo đúng quy định được thực hiện đồng bộ, góp phần hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng cung cấp các sản phẩm an toàn cho đối tác, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và thân thiện với môi trường. Hội đồng Quản trị cam kết tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị môi trường - xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm trong toàn thể cán bộ nhân viên, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh theo đúng định hướng và các Nghị quyết đã được thông qua. Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tinh thần chủ động, trách nhiệm và linh hoạt trong công tác quản trị, đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định, an toàn và đạt được các mục tiêu đề ra trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị,

cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, tiến độ triển khai các Nghị quyết của HĐQT và các nội dung trọng yếu khác. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời tham mưu, đề xuất các giải pháp điều hành phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và xu hướng thị trường, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Công ty. Hội đồng Quản trị ghi nhận sự nỗ lực trong việc kiện toàn tổ chức, tối ưu hóa nguồn lực, kiểm soát chi phí và đẩy mạnh cải tiến công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Công tác

quản trị rủi ro, tuân thủ pháp luật và minh bạch thông tin được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Với những kết quả đạt được, Hội đồng Quản trị đánh giá cao sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng, đồng thời kỳ vọng Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục phát huy tinh thần đổi mới, nâng cao chất lượng quản trị và điều hành, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn tiếp theo.

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân sự

Hội đồng Quản trị định hướng tiếp tục rà soát, củng cố và hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty. Việc sắp xếp, bố trí nhân sự sẽ được thực hiện trên nguyên tắc minh bạch, đúng năng lực và đúng vị trí, đồng thời tăng cường công tác đào tạo, phát triển đội ngũ kế thừa nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

### Nâng cao chất lượng sản phẩm và ứng dụng công nghệ hiện đại

Nâng cao chất lượng sản phẩm là nhiệm vụ trọng tâm, gắn liền với định hướng đầu tư, đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Công ty sẽ đẩy mạnh cải tiến quy trình, nâng cao tiêu chuẩn kiểm soát chất lượng, từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý nhằm gia tăng giá trị sản phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và thị trường.

### Tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động

Tập trung định hướng quản lý, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty, bao gồm nguồn vốn, lao động và tài sản, nhằm bảo đảm sự vận hành đồng bộ và hiệu quả. Công tác kiểm soát chi phí, nâng cao năng suất lao động và tăng cường kỷ luật tài chính sẽ được chú trọng triển khai, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thành các mục tiêu kinh doanh đã đề ra và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định, bền vững trong dài hạn.

# CHƯƠNG 5

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 64 Hội đồng quản trị
- 70 Ban kiểm soát
- 72 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại ngày 24/03/2026

| STT | Thành viên            | Chức vụ                         | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-----------------------|---------------------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Ông Lin Fu Lung       | Chủ tịch HĐQT                   | 0                  | 0%           |
| 2   | Ông Kỷ Minh Du        | Thành viên HĐQT điều hành       | 4.468.887          | 44,69%       |
| 3   | Bà Hà Lệ Phương       | Thành viên HĐQT điều hành       | 300.637            | 3,01%        |
| 4   | Bà Tôn Nữ Bảo Vy      | Thành viên HĐQT không điều hành | 997.625            | 9,98%        |
| 5   | Ông Lee Chien-Ta      | Thành viên HĐQT không điều hành | 25                 | 0,00025%     |
| 6   | Ông Nguyễn Thành Lanh | Thành viên HĐQT không điều hành | 87.737             | 0,88%        |
| 7   | Bà Chi Tsui Ling      | Thành viên HĐQT không điều hành | 410.250            | 4,1%         |
| 8   | Ông Chao Leng Tso     | Thành viên HĐQT không điều hành | 499.500            | 4,995%       |
| 9   | Ông Chi Wei-Shiu      | Thành viên HĐQT không điều hành | 774.375            | 7,74%        |

### Ông Lin Fu Lung

Chủ tịch HĐQT

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0% vốn điều lệ.
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:
  - + Tổng Giám Đốc Công Ty TNHH Hưng Nhất.
  - + Giám đốc Công ty Gold Ease Enterprise

### Ông Kỷ Minh Du

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 44,67% vốn điều lệ.
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác:
  - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất.
  - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Giám đốc Công ty TNHH Summery

### Bà Hà Lệ Phương

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 3,01% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất.

### Bà Tôn Nữ Bảo Vy

Thành viên HĐQT không điều hành

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 9,98% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

### Ông Lee, Chien-Ta

Thành viên HĐQT không điều hành

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0,0025% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác:
  - + Giám đốc Công ty TNHH Good Point Investment

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ tt

### THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Ông Nguyễn Thành Lanh

Thành viên HĐQT không điều hành

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0,88% vốn điều lệ.
- Chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

#### Bà Chi Tsui Ling

Thành viên HĐQT không điều hành

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 4,10% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

#### Ông Chi Wei-Shiu

Thành viên HĐQT không điều hành

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 7,74% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

#### Ông Chao Leng Tso

Thành viên HĐQT không điều hành

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 4,995% vốn điều lệ.
- Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác: Không có
- Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ tt

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị HLO tiếp tục thực hiện hiệu quả chức năng giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý trong quá trình triển khai kế hoạch sản xuất - kinh doanh, cũng như việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

Các giải pháp và chính sách quan trọng đều được Hội đồng Quản trị xem xét kỹ lưỡng, đảm bảo phù hợp với định hướng chiến lược dài hạn của Công ty, đồng thời kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động vận hành. Nhờ đó, HLO duy trì được sự ổn định, tăng trưởng bền vững và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu ngày càng cao từ thị trường.

Bên cạnh công tác giám sát hoạt động sản xuất - kinh doanh, Hội đồng Quản trị cũng tích cực theo dõi và đảm bảo việc công bố thông tin được thực hiện một cách minh bạch, đầy đủ và tuân thủ nghiêm túc các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán cũng như pháp luật hiện hành. Mọi thông tin quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty đều được cập nhật kịp thời trên website chính thức và hệ thống công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư và củng cố niềm tin thông qua quản trị doanh nghiệp minh bạch, chuẩn mực.

#### SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên HĐQT       | Số buổi họp HĐQT | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp       |
|-----|-----------------------|------------------|-------------------|-------------------------------|
| 1   | Ông Lin Fu Lung       | 7/7              | 100%              |                               |
| 2   | Ông Kỳ Minh Du        | 7/7              | 100%              |                               |
| 3   | Bà Hà Lệ Phương       | 7/7              | 100%              |                               |
| 4   | Bà Tôn Nữ Bảo Vy      | 7/7              | 100%              |                               |
| 5   | Lee, Chien-Ta         | 2/7              | 28,57%            | Bận việc cá nhân, đi công tác |
| 6   | Ông Nguyễn Thành Lanh | 4/7              | 57,14%            | Đi công tác                   |
| 7   | Bà Chi Tsui Ling      | 7/7              | 100%              |                               |
| 8   | Ông Chao Leng Tso     | 7/7              | 100%              |                               |
| 9   | Ông Chi Wei Shiu      | 7/7              | 100%              |                               |

### NÊU NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

Hội đồng quản trị đã tổ chức 7 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

| STT | Số Nghị quyết     | Ngày       | Tỷ lệ thông qua | Nội dung   |
|-----|-------------------|------------|-----------------|--|
| 1   | 01.1/2025/NQ-HĐQT | 28/02/2025 | 100%            | Chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025   |
| 2   | 01.2/2025/NQ-HĐQT | 28/02/2025 | 100%            | Kế hoạch kinh doanh năm 2025   |
| 3   | 01.3/2025/NQ-HĐQT | 28/02/2025 | 100%            | Thông qua giao dịch với các bên có liên quan   |
| 4   | 02.1/2025/NQ-HĐQT | 28/03/2025 | 100%            | Thông qua chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị; Thư ký Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024  |
| 5   | 02.2/2025/NQ-HĐQT | 28/03/2025 | 100%            | Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025   |
| 6   | 03.1/2025/NQ-HĐQT | 28/04/2025 | 100%            | Bầu ông LIN FU LUNG giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô nhiệm kỳ 2025-2030  |
| 7   | 03.2/2025/NQ-HĐQT | 28/04/2025 | 100%            | Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2024   |
| 8   | 04/2025/NQ-HĐQT   | 24/05/2025 | 100%            | Chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu  |
| 9   | 05/2025/NQ-HĐQT   | 30/06/2025 | 100%            | Điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, đăng ký chứng khoán bổ sung   |
| 10  | 06.1/2025/NQ-HĐQT | 23/09/2025 | 100%            | Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025   |
| 11  | 06.2/2025/NQ-HĐQT | 23/09/2025 | 100%            | Đề nghị Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) cấp tín dụng cho Công ty bằng các hình thức cho vay, bảo lãnh (bao gồm cả phát hành thư tín dụng, bảo lãnh, chiết khấu và các hình thức cấp tín dụng khác) |
| 12  | 07.1/2025/NQ-HĐQT | 09/10/2025 | 100%            | Về việc chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến bằng văn bản  |
| 13  | 07.2/2025/NQ-HĐQT | 09/10/2025 | 100%            | Về việc sử dụng con dấu theo địa giới hành chính mới   |
| 14  | 07.3/2025/NQ-HĐQT | 09/10/2025 | 100%            | Phê duyệt tạm ứng kinh phí để thực hiện các công việc chuẩn bị giao dịch thuê đất tại xã Phước An, tỉnh Đồng Nai - trong khi chờ Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương                     |

### DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Về đào tạo quản trị, tính tới ngày 31/12/2025, Công ty có Bà Lê Thị Hồng Thắm - Kế toán trưởng có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

### CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

## BAN KIỂM SOÁT

### THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 24/03/2026

| STT | Thành viên              | Chức vụ                  | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------------|--------------------------|--------------------|--------------|
| 1   | Bà Lê Thị Lan Anh       | Trưởng Ban kiểm soát     | 62                 | 0,00062%     |
| 2   | Bà Huỳnh Thị Phương Nam | Thành viên Ban kiểm soát | 62                 | 0,00062%     |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Ngọc Em   | Thành viên Ban kiểm soát | 62                 | 0,00062%     |

#### Bà Lê Thị Lan Anh

Trưởng Ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0,00062% vốn điều lệ.
- Chức danh nắm giữ tại các công ty khác: Kế toán trưởng CTCP Công Nghiệp Việt Nhất.

#### Bà Huỳnh Thị Phương Nam

Thành viên Ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0,00062% vốn điều lệ.
- Chức danh nắm giữ tại các công ty khác:
  - + Giám đốc Công ty TNHH Hóa Chất Nam Phương, Công ty TNHH
  - + Giám đốc Công ty TNHH S-Chem
  - + Giám đốc CTCP Công nghệ N-Chem
  - + Giám đốc Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn

#### Bà Nguyễn Thị Ngọc Em

Thành viên Ban kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành: 0,00062% vốn điều lệ.  
Chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác: Không có

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo hoạt động giám sát được triển khai độc lập, khách quan và đúng thẩm quyền. Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp liên quan, theo dõi việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, đồng thời giám sát việc tuân thủ các quy định nội bộ trong hoạt động quản lý và điều hành.

Công tác kiểm tra, giám sát tập trung vào tình hình tài chính, việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty; rà soát tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất – kinh doanh; cũng như việc chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành. Ban Kiểm soát đã kịp thời trao đổi, kiến nghị các nội dung cần lưu ý nhằm góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và an toàn trong hoạt động của Công ty.

Thông qua hoạt động giám sát thường xuyên và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan, Ban Kiểm soát đã góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty được thực hiện đúng định hướng, hạn chế rủi ro và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.

### SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên HĐQT         | Số buổi họp HĐQT | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------------|------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Bà Lê Thị Lan Anh       | 2/2              | 100%              | –                       |
| 2   | Bà Huỳnh Thị Phương Nam | 2/2              | 100%              | –                       |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Ngọc Em   | 2/2              | 100%              | –                       |



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ      | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |          | Lý do tăng, giảm  |
|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|----------|---|
|                           |                               | Số lượng                  | Tỷ lệ     | Số lượng                   | Tỷ lệ    |   |
| Tsai, Ya-Hui              | Vợ của Ông Lin Fu Lung        | 1.000.000                 | 12,50%    | 1.250.000                  | 12,50%   | Được chia cổ tức: 250.000 cổ phiếu                      |
| Kỷ Minh Du                | Người nội bộ                  | 3.569.190                 | 44,61%    | 4.467.387                  | 44,67%   | Được chia cổ tức: 892.297 cổ phiếu, Mua: 5.900 cổ phiếu |
| Chí Tsui Ling             | Mẹ của Tôn Nữ Bảo Vy          | 328.200                   | 4,10%     | 410.250                    | 4,10%    | Được chia cổ tức: 82.050 cổ phiếu                       |
| Chao Leng Tso             | Em của Tôn Nữ Bảo Vy          | 400.000                   | 5,00%     | 499.500                    | 4,995%   | Được chia cổ tức: 99.500 cổ phiếu                       |
| Tôn Nữ Bảo Vy             | Người nội bộ                  | 798.100                   | 9,98%     | 997.625                    | 9,98%    | Được chia cổ tức: 199.525 cổ phiếu                      |
| Tôn Thất Sơn              | Bố của Tôn Nữ Bảo Vy          | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                           |
| Trần Thị Mạnh Kha         | Mẹ của Tôn Nữ Bảo Vy          | 1.950                     | 0,02%     | 2.374                      | 0,02%    | Được chia cổ tức: 425 cổ phiếu, Bán: 1 cổ phiếu         |
| Tôn Nữ Thảo Nguyên        | Em của Tôn Nữ Bảo Vy          | 52                        | 0,000625% | 62                         | 0,00%    | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu, Bán: 2 cổ phiếu          |
| Tôn Thất Duy Nguyên       | Em của Tôn Nữ Bảo Vy          | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                           |
| Tôn Nữ Bảo Uyên           | Em của Tôn Nữ Bảo Vy          | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                           |
| Lê Thị Hồng Thắm          | Người nội bộ                  | 68.400                    | 0,856%    | 79.600                     | 0,796%   | Được chia cổ tức: 17.100 cổ phiếu, Bán 5.900 cổ phiếu   |
| Nguyễn Xuân Phú           | Chồng của Bà Lê Thị Hồng Thắm | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                           |
| Lê Thị Thúy Liên          | Em của Bà Lê Thị Hồng Thắm    | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                           |
| Lê Chí Tâm                | Em của Bà Lê Thị Hồng Thắm    | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                           |

| Người thực hiện giao dịch   | Quan hệ với người nội bộ          | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |          | Lý do tăng, giảm                                 |
|-----------------------------|-----------------------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|----------|--|
|                             |                                   | Số lượng                  | Tỷ lệ     | Số lượng                   | Tỷ lệ    |  |
| Lê Thị Thanh Hồng           | Chị của Bà Lê Thị Hồng Thắm       | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                    |
| Hà Lệ Phương                | Người nội bộ                      | 240.510                   | 3,01%     | 300.637                    | 3,01%    | Được chia cổ tức: 60.127 cổ phiếu                |
| Hà Tịnh Nhi                 | Em của bà Hà Lệ Phương            | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                    |
| Hà Trọng Cảnh               | Em của bà Hà Lệ Phương            | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                    |
| Hà Trọng An                 | Em của bà Hà Lệ Phương            | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                    |
| Hà Trọng Thiêm              | Em của Hà Lệ Phương               | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                    |
| Lee, Chien-Ta               | Người nội bộ                      | 100                       | 0,00125%  | 25                         | 0,00125% | Được chia cổ tức: 25 cổ phiếu, Bán: 100 cổ phiếu |
| Công ty Just Successful INC | Người nội bộ                      | 800.000                   | 10,00%    | 1.000.000                  | 10,00%   | Được chia cổ tức: 200.000 cổ phiếu               |
| Nguyễn Thành Lanh           | Người nội bộ                      | 70.190                    | 0,88%     | 87.737                     | 0,88%    | Được chia cổ tức: 17.547 cổ phiếu                |
| Lương Tiểu Bình             | Vợ của Ông Nguyễn Thành Lanh      | 8.010                     | 0,10%     | 10.012                     | 0,10%    | Được chia cổ tức: 2.002 cổ phiếu                 |
| Nguyễn Thành Lực            | Anh của Ông Nguyễn Thành Lanh     | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                    |
| Chi Wei Shiu                | Người nội bộ                      | 619.500                   | 7,74%     | 774.375                    | 7,74%    | Được chia cổ tức: 154.875 cổ phiếu               |
| Nguyễn Thị Mỹ Hạnh          | Vợ của ông Chi Wei Shiu           | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                    |
| Lê Thị Lan Anh              | Người nội bộ                      | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                    |
| Huỳnh Thị Phương Nam        | Người nội bộ                      | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                    |
| Đào Duy Thiện               | Chồng của bà Huỳnh Thị Phương Nam | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                    |
| Nguyễn Thị Ngọc Em          | Người nội bộ                      | 50                        | 0,000625% | 62                         | 0,00062% | Được chia cổ tức: 12 cổ phiếu                    |

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT <sup>tt</sup>

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                        | Mối quan hệ liên quan với công ty  | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua    | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch   |
|-----|--|--|---------------------------------|--|--|
| 1   | Công ty TNHH Hưng Nhất                     | Ông Lin Fu Lung là Tổng Giám đốc   | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Bán hàng hóa dịch vụ: 3.006.423.200 đồng;<br>Mua hàng hóa dịch vụ: 58.500.000 đồng |
| 2   | CTCP Công Nghiệp Việt Nhất                 | Ông Kỷ Minh Du là Chủ tịch HĐQT, cổ đông nắm giữ trên 10% CPCQBQ; Bà Hà Lệ Phương là Giám đốc; Bà Lê Thị Lan Anh là Kế toán trưởng | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Bán hàng hóa dịch vụ: 112.079.000 đồng; Mua hàng hóa dịch vụ: 41.074.662.851 đồng  |
| 3   | Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Chất | Bà Tôn Nữ Bảo Vy nắm giữ trên 10% phần vốn góp   | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Bán hàng hóa dịch vụ: 805.117.250 đồng   |
| 4   | Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn             | Bà Tôn Nữ Bảo Vy là Chủ tịch HĐTV, nắm giữ trên 10% phần vốn góp; Bà Huỳnh Thị Nam Phương là Giám đốc                              | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Bán hàng hóa dịch vụ: 171.255.000 đồng   |
| 5   | Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội              | Bà Lê Thị Hồng Thắm là Chủ tịch HĐTV, nắm giữ trên 10% phần vốn góp  | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Bán hàng hóa dịch vụ: 252.425.000 đồng   |
| 6   | CTCP Môi trường Việt Nhất                  | Ông Kỷ Minh Du là Chủ tịch HĐQT  | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Bán hàng hóa dịch vụ: 180.250.000 đồng;  |
| 7   | Công ty TNHH Triệu Nhất                    | Bà Hà Lệ Phương là Chủ tịch HĐTV   | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Mua hàng hóa dịch vụ: 3.285.000.000 đồng   |
| 8   | Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Tinh Công      | Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô nắm giữ 20% cổ phần  | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Mua hàng hóa dịch vụ: 15.635.010 đồng  |
| 9   | Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt          | Công ty con (100%) của Good Point Investment Co., Ltd - Công ty do Ông Lee, Chien-Ta là Giám đốc nắm giữ trên 10% vốn góp          | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Bán hàng hóa dịch vụ: 9.065.289.600 đồng   |
| 10  | Công ty TNHH S-Chem                        | Ông Kỷ Minh Du nắm giữ trên 10% vốn góp  | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Bán hàng hóa dịch vụ: 8.000.000 đồng   |
| 11  | CTCP Tư vấn Việt Nhất                      | Ông Kỷ Minh Du, Bà Tôn Nữ Bảo Vy là cổ đông nắm giữ trên 10% CPCQBQ  | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Mua hàng hóa dịch vụ: 300.000.000 đồng   |
| 12  | Công ty TNHH Haola                         | Ông Kỷ Minh Du là Chủ tịch HĐTV nắm giữ trên 10% vốn góp   | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Bán hàng hóa dịch vụ: 610.000 đồng   |
| 13  | Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt | Ông Kỷ Minh Du nắm giữ trên 10% vốn góp  | Năm 2025                        | Nghị quyết HĐQT số 01.3/2025/NQ-HĐQT ngày 28/02/2025 | Mua hàng hóa dịch vụ: 2.626.555.000 đồng   |

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT tt

### LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

| STT   | Họ và tên               | Chức danh                    | Tổng thu nhập | Tổng thù lao | Các khoản lợi ích khác |
|---|-------------------------|------------------------------|---------------|--------------|------------------------|
| <b>Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc</b> |                         |                              |               |              |                        |
| 1   | Ông Lin Fu Lung         | Chủ tịch HĐQT                | -             | 10.000.000   | -                      |
| 2   | Ông Kỷ Minh Du          | Thành viên HĐQT              | 668.629.000   | 8.000.000    | -                      |
| 3   | Bà Tôn Nữ Bảo Vy        | Thành viên HĐQT              | -             | 8.000.000    | -                      |
| 4   | Bà Hà Lệ Phương         | Thành viên HĐQT              | -             | 8.000.000    | -                      |
| 5   | Bà Chi Tsui Ling        | Thành viên HĐQT              | -             | 8.000.000    | -                      |
| 6   | Ông Chao Leng Tso       | Thành viên HĐQT              | -             | 8.000.000    | -                      |
| 7   | Ông Chi, Wei Shiu       | Thành viên HĐQT              | 329.216.668   | 8.000.000    | -                      |
| 8   | Ông Nguyễn Thành Lanh   | Thành viên HĐQT              | 847.161.035   | 8.000.000    | -                      |
| 9   | Ông Chi, Wei Shiu       | Thành viên HĐQT              | -             | 8.000.000    | -                      |
| 10  | Ông Chang Chia Lin      | Phó Tổng Giám đốc kinh doanh | 595.585.000   | -            | -                      |
| 11  | Ông Zhang Jian Jun      | Phó Tổng Giám đốc            | 624.305.000   | -            | -                      |
| <b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>             |                         |                              |               |              |                        |
| 1   | Bà Lê Thị Lan Anh       | Trưởng ban                   | -             | 8.000.000    | -                      |
| 2   | Bà Huỳnh Thị Phương Nam | Thành viên                   | -             | 7.000.000    | -                      |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Ngọc Em   | Thành viên                   | -             | 7.000.000    | -                      |

### ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Công ty đảm bảo duy trì cơ cấu tổ chức quản trị phù hợp, phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát; đồng thời thực hiện đúng quy trình tổ chức họp, ban hành nghị quyết và công bố thông tin theo

quy định. Các hoạt động quản trị được thực hiện minh bạch, có sự giám sát chặt chẽ, không phát sinh vi phạm trọng yếu liên quan đến quản trị công ty. Công tác tự rà soát, đánh giá định kỳ được chú trọng nhằm kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện các quy chế và quy trình nội bộ, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư đối với Công ty.



CHƯƠNG

# 6

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 80 Ý kiến kiểm toán
- 82 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

## Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Số: 236/2026/KT-RSMHCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**

## Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature  
147-147Bis Hai Bà Trưng  
Phường Xuân Hòa  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026  
contact\_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Đặng Xuân Cảnh**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0067-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Nguyễn Đức Minh Tú**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
5423-2025-026-1

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | TM   | Tại ngày 31/12/2025    | Tại ngày 01/01/2025    |
|--|------------|------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |      | <b>112.372.322.361</b> | <b>115.424.527.108</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | 4.1  | <b>13.692.854.626</b>  | <b>25.792.400.876</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111        |      | 1.692.854.626          | 8.792.400.876          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |      | 12.000.000.000         | 17.000.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |      | <b>36.200.000.000</b>  | <b>24.000.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        | 4.2  | 36.200.000.000         | 24.000.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |      | <b>18.742.948.116</b>  | <b>19.099.376.597</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 4.3  | 16.468.412.586         | 16.719.607.480         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 4.4  | 1.884.628.397          | 3.273.700.046          |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 4.5  | 648.708.411            | 509.993.315            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 4.6  | (258.801.278)          | (1.403.924.244)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | 4.7  | <b>39.231.939.950</b>  | <b>44.760.080.292</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |      | 40.653.674.003         | 45.574.928.923         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |      | (1.421.734.053)        | (814.848.631)          |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |      | <b>4.504.579.669</b>   | <b>1.772.669.343</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        |      | 141.762.667            | 168.279.901            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |      | 4.362.817.002          | 1.604.389.442          |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |      | <b>67.042.243.428</b>  | <b>59.500.449.234</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |      | <b>7.624.000.930</b>   | -                      |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 4.5  | 7.624.000.930          | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |      | <b>30.460.661.292</b>  | <b>31.135.359.267</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 4.9  | 30.191.074.702         | 30.744.562.681         |
| Nguyên giá                                   | 222        |      | 52.205.695.729         | 49.823.579.436         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |      | (22.014.621.027)       | (19.079.016.755)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 4.10 | 269.586.590            | 390.796.586            |
| Nguyên giá                                   | 228        |      | 686.050.000            | 686.050.000            |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |      | (416.463.410)          | (295.253.414)          |
| <b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>         | <b>250</b> | 4.2  | <b>16.114.243.508</b>  | <b>14.904.120.098</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        |      | 18.659.400.000         | 18.659.400.000         |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         | 254        |      | (2.545.156.492)        | (3.755.279.902)        |
| <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |      | <b>12.843.337.698</b>  | <b>13.460.969.869</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 4.8  | 12.843.337.698         | 13.460.969.869         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>   | <b>270</b> |      | <b>179.414.565.789</b> | <b>174.924.976.342</b> |

(Xem trang tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                    | Mã số      | TM   | Tại ngày 31/12/2025    | Tại ngày 01/01/2025    |
|--|------------|------|------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                        | <b>300</b> |      | <b>17.928.505.759</b>  | <b>34.201.771.151</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                        | <b>310</b> |      | <b>17.928.505.759</b>  | <b>33.979.090.689</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn               | 311        | 4.11 | 3.155.675.180          | 15.006.293.716         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn         | 312        | 4.12 | 3.734.647.201          | 11.080.362.263         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       | 313        | 4.13 | 4.498.611.524          | 2.263.033.102          |
| 4. Phải trả người lao động                   | 314        | 4.14 | 2.906.735.340          | 2.767.701.746          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                 | 315        | 4.15 | 527.894.627            | 698.102.153            |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                    | 319        |      | 18.182.716             | 120.021.451            |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn         | 320        |      | 10.272.461             | 24.680.000             |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn                | 321        | 4.16 | 3.076.486.710          | 2.018.896.258          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                        | <b>330</b> |      | -                      | <b>222.680.462</b>     |
| 1. Dự phòng phải trả dài hạn                 | 342        |      | -                      | 222.680.462            |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |      | <b>161.486.060.030</b> | <b>140.723.205.191</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                     | <b>410</b> | 4.17 | <b>161.486.060.030</b> | <b>140.723.205.191</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                    | 411        |      | 100.000.000.000        | 80.000.000.000         |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |      | 100.000.000.000        | 80.000.000.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                      | 412        |      | 4.000.000.000          | 4.000.000.000          |
| 3. Cổ phiếu quỹ                              | 415        |      | (530.000)              | -                      |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         | 421        |      | 57.486.590.030         | 56.723.205.191         |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước      | 421a       |      | 36.724.883.126         | 48.104.721.892         |
| LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |      | 20.761.706.904         | 8.618.483.299          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b> | <b>440</b> |      | <b>179.414.565.789</b> | <b>174.924.976.342</b> |



Kỳ Minh Du  
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Hằng  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | TM     | Năm 2025        | Năm 2024        |
|--|-------|--------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 5.1    | 143.714.101.312 | 109.478.582.895 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |        | 293.311.785     | 26.712.000      |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |        | 143.420.789.527 | 109.451.870.895 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 5.2    | 106.106.768.972 | 82.661.474.325  |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |        | 37.314.020.555  | 26.790.396.570  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | 5.3    | 1.839.987.753   | 1.182.668.264   |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | 5.4    | (1.063.011.302) | 3.990.977.791   |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | 5.5    | 9.872.928.137   | 7.724.200.843   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 5.6    | 5.960.482.834   | 7.353.485.839   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |        | 24.383.608.639  | 8.904.400.361   |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | 5.7    | 1.659.239.471   | 2.077.571.913   |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    |        | 22.962.594      | 48.224.538      |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |        | 1.636.276.877   | 2.029.347.375   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |        | 26.019.885.516  | 10.933.747.736  |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 51    | 5.9    | 5.258.178.612   | 2.210.586.502   |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |        | 20.761.706.904  | 8.723.161.234   |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | 4.17.4 | 2.076           | 862             |
| 18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | 4.17.5 | 2.076           | 862             |



Phê duyệt

Người lập

Kỳ Minh Du  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hằng  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | TM   | Năm 2025                | Năm 2024                |
|--|-----------|------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |           |      |                         |                         |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>   | <b>01</b> |      | <b>26.019.885.516</b>   | <b>10.933.747.736</b>   |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |           |      |                         |                         |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT   | 02        | 5.8  | 3.497.692.409           | 3.196.072.872           |
| Các khoản dự phòng   | 03        |      | 3.982.328               | 4.493.499.698           |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04        |      | 12.876.615              | 161.544.805             |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |      | (1.793.769.679)         | (1.076.007.578)         |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>                  | <b>08</b> |      | <b>27.740.667.189</b>   | <b>17.708.857.533</b>   |
| Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |      | (8.711.184.380)         | (4.553.847.360)         |
| Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |      | 4.437.261.397           | (2.451.434.613)         |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        |      | (19.811.820.808)        | 13.245.576.255          |
| Tăng giảm chi phí trả trước  | 12        |      | 644.149.405             | 569.795.310             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | 4.13 | (3.000.000.000)         | (1.026.541.271)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | <b>20</b> |      | <b>1.299.072.803</b>    | <b>23.492.405.854</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |           |      |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                              | 21        |      | (3.112.116.293)         | (279.368.062)           |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                           | 22        |      | 277.000.000             | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác                                    | 23        |      | (66.200.000.000)        | (9.000.000.000)         |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                | 24        |      | 54.000.000.000          | -                       |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |      | -                       | (18.659.400.000)        |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27        |      | 1.636.170.442           | 1.081.150.044           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> |      | <b>(13.398.945.851)</b> | <b>(26.857.618.018)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |           |      |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ đi vay  | 33        |      | -                       | 147.421.677             |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        |      | -                       | (122.741.677)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |      | <b>-</b>                | <b>24.680.000</b>       |

(Xem trang tiếp theo)

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO) (Theo phương pháp gián tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | TM         | Năm 2025                | Năm 2024               |
|--|-----------|------------|-------------------------|------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM<br/>(50 = 20+30+40)</b>        | <b>50</b> |            | <b>(12.099.873.048)</b> | <b>(3.340.532.164)</b> |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                             | 60        |            | 25.792.400.876          | 29.123.429.776         |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ      | 61        |            | 326.798                 | 9.503.264              |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM<br/>(70 = 50+60+61)</b> | <b>70</b> | <b>4.1</b> | <b>13.692.854.626</b>   | <b>25.792.400.876</b>  |



Phê duyệt

Kỳ Minh Du  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Hằng  
Kế toán trưởng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702308640 ngày 16 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 8 năm 2025 để cập nhật lại thông tin vốn điều lệ và địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 88 (31/12/2024: 84).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ xây lắp.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn hóa chất, xử lý bề mặt kim loại, nguyên liệu nhựa công nghiệp, máy móc thiết bị xi mạ, phụ tùng máy móc thiết bị, phụ kiện ngành công nghiệp;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic, sản xuất - chế tạo máy móc, thiết bị ngành công nghệ, hệ thống lọc nước, hệ thống khí thải, hệ thống xử lý nước thải;
- Tư vấn và quản lý kỹ thuật xi mạ, chuyển giao công nghệ kỹ thuật xi mạ;
- Sản xuất các sản phẩm móc treo bằng sắt, thép, đồng, inox và kim loại; và
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có đầu tư vào công ty liên kết sau:

| Tên                                   | Ngành nghề hoạt động chính                   | Địa chỉ  | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|---------------------------------------|--|--|------------------------|---------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | Lô 7 Đường số 2, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam | 20%                    | 20%           | 20%           |

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

#### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

#### 3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### 3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

(Xem trang tiếp theo)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

### 3.4. Đầu tư tài chính

#### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

#### Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

##### Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

#### Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

##### Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

### 3.5. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.6. Hàng tồn kho

##### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

##### *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho*

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

##### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu*

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

|                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 05 – 48 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 05 – 15 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 20 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 05 – 15 năm |
| ▪ Cây lâu năm                    | 08 năm      |
| ▪ Tài sản cố định khác           | 05 – 25 năm |

#### 3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

##### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu*

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu liên quan đến nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự về bản chất (kể cả trường hợp mua từ bên ngoài hoặc tạo ra từ nội bộ Công ty) luôn được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

##### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

##### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 – 05 năm.

#### 3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, bản quyền phần mềm, chi phí bảo hiểm, tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### 3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### 3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### 3.12. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

#### 3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### 3.14. Doanh thu, thu nhập khác

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

##### Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### 3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

#### 3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, chi phí công tác; khấu hao TSCĐ; chi phí hoa hồng bán hàng; bảo hành sản phẩm, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác...

#### 3.18. Thuế

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

##### Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Hóa chất: 10%;
- Dịch vụ sửa chữa: 10%;
- Thành phẩm: 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026. Cụ thể, các hàng hoá, dịch vụ sau đây được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%:

- Hóa chất
- Dịch vụ sửa chữa
- Thành phẩm

##### Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.21. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

#### 3.23. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

##### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt                        | 134.625.797                   | 164.849.140                   |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.558.228.829                 | 8.627.551.736                 |
| Các khoản tương đương tiền (*)  | 12.000.000.000                | 17.000.000.000                |
| <b>Cộng</b>                     | <b>13.692.854.626</b>         | <b>25.792.400.876</b>         |

(\*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 01 tháng với lãi suất 4,75%/năm.

##### 4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng được chi tiết như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương:
 

|           |                    |
|-----------|--------------------|
| Giá trị:  | 25.800.000.000 VND |
| Kỳ hạn:   | 06 tháng           |
| Lãi suất: | 5,2% - 5,3 %/năm   |
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Ông Ích Khiêm:
 

|           |                 |
|-----------|-----------------|
| Giá trị:  | 400.000.000 VND |
| Kỳ hạn:   | 12 tháng        |
| Lãi suất: | 5,0%/năm        |
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng giao dịch Nam Kỳ Khởi Nghĩa:
 

|           |                    |
|-----------|--------------------|
| Giá trị:  | 10.000.000.000 VND |
| Kỳ hạn:   | 06 tháng           |
| Lãi suất: | 6,0%/năm           |

(Xem trang tiếp theo)

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

|  | Tại ngày 31/12/2025<br>VND |                      | Tại ngày 01/01/2025<br>VND |                 |
|--|----------------------------|----------------------|----------------------------|-----------------|
|  | Giá gốc                    | Dự phòng             | Giá trị hợp lý             | Dự phòng        |
| Đầu tư vào công ty liên kết:   |                            |                      |                            |                 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công  | 18.659.400.000 (*)         | (2.545.156.492)      | 18.659.400.000 (*)         | (3.755.279.902) |
| Đầu tư vào công ty liên kết là khoản đầu tư chiếm 20% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.  |                            |                      |                            |                 |
| (*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. |                            |                      |                            |                 |
| Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:   |                            |                      |                            |                 |
|  |                            | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND            |                 |
| Số đầu năm   |                            | 3.755.279.902        | -                          |                 |
| Trích lập trong năm  |                            | -                    | 3.755.279.902              |                 |
| Hoàn nhập trong năm (*)  |                            | (1.210.123.410)      | -                          |                 |
| Số cuối năm  |                            | <u>2.545.156.492</u> | <u>3.755.279.902</u>       |                 |

19

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7 | 2.466.209.864                 | 2.086.462.135                 |
| Phải thu từ khách hàng:                                   |                               |                               |
| Công ty TNHH Yue Teng Sporting Goods                      | 3.616.816.600                 | -                             |
| Các khách hàng khác (*)                                   | 10.385.386.122                | 14.633.145.345                |
| <b>Cộng</b>   | <b>16.468.412.586</b>         | <b>16.719.607.480</b>         |

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

#### 4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|   | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7 | 1.718.500.000                 | 2.744.280.000                 |
| Các nhà cung cấp khác   | 166.128.397                   | 529.420.046                   |
| <b>Cộng</b>   | <b>1.884.628.397</b>          | <b>3.273.700.046</b>          |

#### 4.5. Phải thu khác

|                     | Tại ngày 31/12/2025<br>VND |          | Tại ngày 01/01/2025<br>VND |          |
|---------------------|----------------------------|----------|----------------------------|----------|
|                     | Giá trị                    | Dự phòng | Giá trị                    | Dự phòng |
| Ngắn hạn:           |                            |          |                            |          |
| Lãi tiền gửi dự thu | 613.570.411                | -        | 443.849.315                | -        |
| Tạm ứng             | 35.138.000                 | -        | 66.144.000                 | -        |
| <b>Cộng</b>         | <b>648.708.411</b>         | <b>-</b> | <b>509.993.315</b>         | <b>-</b> |
| Dài hạn:            |                            |          |                            |          |
| Tạm ứng             | 7.599.000.930              | -        | -                          | -        |
| Ký cược, ký quỹ     | 25.000.000                 | -        | -                          | -        |
| <b>Cộng (*)</b>     | <b>7.624.000.930</b>       | <b>-</b> | <b>-</b>                   | <b>-</b> |

(\*) Trong đó, phải thu các bên liên quan có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 7.614.000.930 VND – Xem thêm Mục 7.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN <sup>tt</sup>

## 4.6. Nợ xấu

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

|   | Tại ngày 31/12/2025  |                             | Tại ngày 01/01/2025  |                             |
|---|----------------------|-----------------------------|----------------------|-----------------------------|
|   | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi      | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi      |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi  | 1.189.958.425        | 931.157.147                 | 4.470.995.225        | 3.067.070.981               |
| Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu quá hạn là thấp vì các công nợ đã quá hạn từ trên 06 tháng mà Công ty vẫn chưa thu được nợ. |                      |                             |                      |                             |
| Thời gian quá hạn và giá trị khoản nợ phải thu quá hạn theo đối tượng được chi tiết như sau:  |                      |                             |                      |                             |
|   | Tại ngày 31/12/2025  |                             | Tại ngày 01/01/2025  |                             |
|   | Giá gốc              | Thời gian quá hạn           | Giá gốc              | Thời gian quá hạn           |
| Công ty TNHH Quốc tế All Glory  | 1.189.958.425        | Từ trên 06 tháng đến 01 năm | 4.286.905.725        | Từ trên 06 tháng đến 02 năm |
| Khác  | -                    | -                           | 184.089.500          | Từ trên 06 tháng            |
| <b>Cộng</b>   | <b>1.189.958.425</b> | <b>931.157.147</b>          | <b>4.470.995.225</b> | <b>3.067.070.981</b>        |

(Xem trang tiếp theo)

21

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## 4.7. Hàng tồn kho

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

|                                     | Tại ngày 31/12/2025   |                        | Tại ngày 01/01/2025   |                      |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                     | Giá gốc               | Dự phòng               | Giá gốc               | Dự phòng             |
| Nguyên liệu, vật liệu               | 24.018.586.139        | (1.209.034.433)        | 27.358.596.859        | (702.365.899)        |
| Công cụ, dụng cụ                    | 1.015.025.259         | (21.438.507)           | 1.059.659.678         | (15.103.258)         |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 11.481.174.645        | (23.579.275)           | 11.902.241.470        | -                    |
| Thành phẩm                          | 3.941.541.246         | (148.476.725)          | 5.001.198.037         | (87.247.377)         |
| Hàng hóa                            | 197.346.714           | (19.205.113)           | 253.232.879           | (10.132.097)         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>40.653.674.003</b> | <b>(1.421.734.053)</b> | <b>45.574.928.923</b> | <b>(814.848.631)</b> |

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 1.421.734.053 VND.

(Xem trang tiếp theo)

22

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN <sup>tt</sup>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 4.8. Chi phí trả trước dài hạn

|                            | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí thuê đất (*)       | 12.566.774.724                | 12.877.162.056                |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 173.151.220                   | 329.761.043                   |
| Bản quyền phần mềm         | 103.411.754                   | 254.046.770                   |
| <b>Cộng</b>                | <b>12.843.337.698</b>         | <b>13.460.969.869</b>         |

(\*) Là tiền thuê đất đã trả một lần tại phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất ngày 23 tháng 12 năm 2015. Thời gian thuê là 50 năm bắt đầu từ ngày 06 tháng 5 năm 2016 đến ngày 05 tháng 5 năm 2066.

(Xem trang tiếp theo)

### CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### 4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục                  | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Máy móc,<br>thiết bị<br>VND | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn<br>VND | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý<br>VND | Cây lâu năm<br>VND   | Tài sản cố<br>định hữu<br>hình khác<br>VND | Cộng<br>VND           | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) |                     |
|----------------------------|----------------------------------|-----------------------------|--|--|----------------------|--|-----------------------|---|---------------------|
|                            |                                  |                             |  |  |                      |  |                       | Tại ngày 31/12/2025                           | Tại ngày 01/01/2025 |
| Nguyên giá:                |                                  |                             |  |  |                      |  |                       |   |                     |
| Tại ngày 01/01/2025        | 19.516.280.231                   | 19.278.775.752              | 6.364.688.279                                | 981.356.000                            | 1.100.000.000        | 2.582.479.174                              | 49.823.579.436        |   |                     |
| Mua trong năm              | -                                | 3.072.939.020               | -  | -                                      | -                    | 39.177.273                                 | 3.112.116.293         |   |                     |
| Thanh lý, nhượng bán       | -                                | -                           | -  | -                                      | -                    | (730.000.000)                              | (730.000.000)         |   |                     |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>19.516.280.231</b>            | <b>22.351.714.772</b>       | <b>6.364.688.279</b>                         | <b>981.356.000</b>                     | <b>1.100.000.000</b> | <b>1.891.656.447</b>                       | <b>52.205.695.729</b> |   |                     |
| Giá trị hao mòn lũy kế:    |                                  |                             |  |  |                      |  |                       |   |                     |
| Tại ngày 01/01/2025        | 4.386.220.737                    | 8.824.396.401               | 2.662.549.537                                | 694.620.890                            | 1.100.000.000        | 1.411.229.190                              | 19.079.016.755        |   |                     |
| Khấu hao trong năm         | 543.405.324                      | 1.960.765.387               | 606.226.752                                  | 96.602.415                             | -                    | 169.482.535                                | 3.376.482.413         |   |                     |
| Thanh lý, nhượng bán       | -                                | -                           | -  | -                                      | -                    | (440.878.141)                              | (440.878.141)         |   |                     |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>4.929.626.061</b>             | <b>10.785.161.788</b>       | <b>3.268.776.289</b>                         | <b>791.223.305</b>                     | <b>1.100.000.000</b> | <b>1.139.833.584</b>                       | <b>22.014.621.027</b> |   |                     |
| Giá trị còn lại:           |                                  |                             |  |  |                      |  |                       |   |                     |
| Tại ngày 01/01/2025        | 15.130.059.494                   | 10.454.379.351              | 3.702.138.742                                | 286.735.110                            | -                    | 1.171.249.984                              | 30.744.562.681        |   |                     |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>14.586.654.170</b>            | <b>11.566.552.984</b>       | <b>3.095.911.990</b>                         | <b>190.132.695</b>                     | <b>-</b>             | <b>751.822.863</b>                         | <b>30.191.074.702</b> |   |                     |

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.165.961.313 VND.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục                  | Phần mềm quản lý VND |                     |
|----------------------------|----------------------|---------------------|
|                            | Tại ngày 01/01/2025  | Tại ngày 31/12/2025 |
| Nguyên giá:                |                      |                     |
| Tại ngày 01/01/2025        | 686.050.000          |                     |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>686.050.000</b>   |                     |
| Giá trị hao mòn lũy kế:    |                      |                     |
| Tại ngày 01/01/2025        | 295.253.414          |                     |
| Khấu hao trong năm         | 121.209.996          |                     |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>416.463.410</b>   |                     |
| Giá trị còn lại:           |                      |                     |
| Tại ngày 01/01/2025        | 390.796.586          |                     |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>269.586.590</b>   |                     |

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 80.000.000 VND.

### 4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

|   | Tại ngày 31/12/2025 VND |                       | Tại ngày 01/01/2025 VND |                       |
|---|-------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
|   | Giá trị                 | Số có khả năng trả nợ | Giá trị                 | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7 | 653.197.127             | 653.197.127           | 4.135.551.694           | 4.135.551.694         |
| Phải trả cho người bán                          |                         |                       |                         |                       |
| Easy Good Limited                               | 1.655.028.440           | 1.655.028.440         | 7.303.071.905           | 7.303.071.905         |
| Phải trả cho các đối tượng khác (*)             | 847.449.613             | 847.449.613           | 3.567.670.117           | 3.567.670.117         |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>3.155.675.180</b>    | <b>3.155.675.180</b>  | <b>15.006.293.716</b>   | <b>15.006.293.716</b> |

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 4.12. Người mua trả trước ngắn hạn

|  | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam (Biên Hòa) | 509.170.000             | 750.000.000             |
| Công ty TNHH Truyền Thông Microlink Đà Nẵng        | 2.316.000.000           | -                       |
| Công ty TNHH Ốc Vít Bảo Chứng                      | 878.325.201             | -                       |
| Các khách hàng khác                                | 31.152.000              | 10.330.362.263          |
| <b>Cộng</b>  | <b>3.734.647.201</b>    | <b>11.080.362.263</b>   |

### 4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Khoản mục                                       | Tại ngày 31/12/2025 VND           | Số phải nộp VND      | Số đã nộp VND        | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|---|-----------------------------------|----------------------|----------------------|-------------------------|
|   | Thuế GTGT phải nộp hàng nhập khẩu | -                    | 1.104.958.442        | 1.104.958.442           |
| Thuế xuất, nhập khẩu                            | -                                 | 42.096.909           | 42.096.909           | -                       |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                      | 4.468.765.114                     | 5.258.178.612        | 3.000.000.000        | 2.210.586.502           |
| Thuế thu nhập cá nhân                           | 29.846.410                        | 840.218.570          | 858.401.585          | 48.029.425              |
| Các khoản thuế, lệ phí khác                     | -                                 | 12.417.175           | 16.834.350           | 4.417.175               |
| <b>Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b> | <b>4.498.611.524</b>              | <b>7.257.869.708</b> | <b>5.022.291.286</b> | <b>2.263.033.102</b>    |

### 4.14. Phải trả người lao động

Là tiền lương và phụ cấp còn phải trả người lao động tại ngày 31/12/2025.

### 4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                                    | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả | 359.284.235             | 515.892.510             |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài          | 144.310.392             | 166.409.643             |
| Các khoản trích trước khác         | 24.300.000              | 15.800.000              |
| <b>Cộng</b>                        | <b>527.894.627</b>      | <b>698.102.153</b>      |

### 4.16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

|                                      | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Dự phòng bảo hành công trình xây lắp | 3.076.486.710           | 2.018.896.258           |

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**  
 Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 4.17. Vốn chủ sở hữu

#### 4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|  | Vốn góp của chủ sở hữu |          | Thặng dư vốn cổ phần |                  | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu |                                   | Cộng VND               |
|--|------------------------|----------|----------------------|------------------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|  | VND                    | VND      | VND                  | VND              | Cổ phiếu quỹ                       | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |                        |
| Tại ngày 01/01/2024                                  | 80.000.000.000         | -        | 4.000.000.000        | -                | -                                  | 48.104.721.892                    | 132.104.721.892        |
| Lãi trong năm trước                                  | -                      | -        | -                    | -                | -                                  | 8.723.161.234                     | 8.723.161.234          |
| Trích thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát     | -                      | -        | -                    | -                | -                                  | (104.677.935)                     | (104.677.935)          |
| Tại ngày 01/01/2025                                  | 80.000.000.000         | -        | 4.000.000.000        | -                | -                                  | 56.723.205.191                    | 140.723.205.191        |
| Tăng vốn trong năm nay                               | 20.000.000.000         | -        | -                    | (530.000)        | -                                  | (20.000.000.000)                  | (530.000)              |
| Lãi trong năm nay                                    | -                      | -        | -                    | -                | -                                  | 20.761.706.904                    | 20.761.706.904         |
| Hoàn nhập thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | -                      | -        | -                    | -                | -                                  | 1.677.935                         | 1.677.935              |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b>                           | <b>100.000.000.000</b> | <b>-</b> | <b>4.000.000.000</b> | <b>(530.000)</b> | <b>-</b>                           | <b>57.486.590.030</b>             | <b>161.486.060.030</b> |

(Xem trang tiếp theo)

27

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**  
 Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| Nhà đầu tư          | Tại ngày 31/12/2025    |             | Tại ngày 01/01/2025   |             | Tỷ lệ (%)   |
|---------------------|------------------------|-------------|-----------------------|-------------|-------------|
|                     | Giá trị (VND)          | Tỷ lệ (%)   | Giá trị (VND)         | Tỷ lệ (%)   |             |
| Ông Kỳ Minh Du      | 44.673.870.000         | 44,67%      | 35.691.900.000        | 44,61%      |             |
| Bà Tsai Ya Hui      | 12.500.000.000         | 12,50%      | 10.000.000.000        | 12,50%      |             |
| Bà Tôn Nữ Bảo Vy    | 9.976.250.000          | 9,98%       | 7.981.000.000         | 9,98%       |             |
| Just Successful Inc | 10.000.000.000         | 10,00%      | 8.000.000.000         | 10,00%      |             |
| Ông Chi Wei Shiu    | 7.743.750.000          | 7,74%       | 6.195.000.000         | 7,74%       |             |
| Ông Chao Leng Tso   | 4.995.000.000          | 5,00%       | 4.000.000.000         | 5,00%       |             |
| Cổ đông khác        | 10.111.130.000         | 10,11%      | 8.132.100.000         | 10,17%      |             |
| <b>Cộng</b>         | <b>100.000.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>80.000.000.000</b> | <b>100%</b> | <b>100%</b> |

(Xem trang tiếp theo)

28

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 4.17.3. Cổ phiếu

|  | Tại ngày<br>31/12/2025 | Tại ngày<br>01/01/2025 |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành    | 10.000.000             | 8.000.000              |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 10.000.000             | 8.000.000              |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành        | 10.000.000             | 8.000.000              |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

### 4.17.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|  | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                 | 20.761.706.904  | 8.723.161.234   |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi                           | -               | (103.000.000)   |
| Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu      | 20.761.706.904  | 8.620.161.234   |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm | 10.000.000      | 10.000.000      |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                          | <b>2.076</b>    | <b>862</b>      |

### 4.17.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

|   | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                | 20.761.706.904  | 8.723.161.234   |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi                          | -               | (103.000.000)   |
| Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu            | 20.761.706.904  | 8.620.161.234   |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ | 10.000.000      | 10.000.000      |
| Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu    | 10.000.000      | 10.000.000      |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                       | <b>2.076</b>    | <b>862</b>      |

### 4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

|               | Tại ngày<br>31/12/2025 | Tại ngày<br>01/01/2025 |
|---------------|------------------------|------------------------|
| Ngoại tệ: USD | 395,64                 | 45.194,81              |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|   | Năm 2025<br>VND        | Năm 2024<br>VND        |
|---|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa                              | 53.176.660.380         | 48.919.647.933         |
| Doanh thu lắp đặt hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm | 78.211.346.813         | 50.428.377.958         |
| Doanh thu bán thành phẩm                            | 12.326.094.119         | 10.130.557.004         |
| <b>Cộng</b>   | <b>143.714.101.312</b> | <b>109.478.582.895</b> |

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7

|  | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
|--|-----------------|-----------------|
|  | 13.731.249.050  | 20.314.433.950  |

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng hơn 31% so với năm trước, chủ yếu nhờ việc mở rộng hoạt động kinh doanh và khai thác thêm các khách hàng mới, bao gồm Công ty TNHH Yue Teng Sporting Goods, Công ty TNHH Fastrong Technologies Việt Nam và Công ty TNHH A – Plus.

#### 5.2. Giá vốn hàng bán

|   | Năm 2025<br>VND        | Năm 2024<br>VND       |
|---|------------------------|-----------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán                 | 43.641.217.426         | 38.524.480.982        |
| Giá vốn lắp đặt hệ thống và thiết bị đi kèm | 51.082.526.905         | 36.037.037.476        |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán               | 7.417.962.268          | 6.301.129.579         |
| Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho             | 606.885.422            | (220.069.970)         |
| Chi phí bảo hành công trình xây lắp         | 3.358.176.951          | 2.018.896.258         |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>106.106.768.972</b> | <b>82.661.474.325</b> |

#### 5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                            | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND      |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.805.891.538        | 1.076.007.578        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá      | 34.096.215           | 106.660.686          |
| <b>Cộng</b>                | <b>1.839.987.753</b> | <b>1.182.668.264</b> |

(Xem trang tiếp theo)

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 5.4. Chi phí tài chính

|  | Năm 2025<br>VND        | Năm 2024<br>VND      |
|--|------------------------|----------------------|
| Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác                                   | (1.210.123.410)        | 3.755.279.902        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá   | 134.235.493            | 74.153.084           |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 12.876.615             | 161.544.805          |
| <b>Cộng</b>  | <b>(1.063.011.302)</b> | <b>3.990.977.791</b> |

#### 5.5. Chi phí bán hàng

|                            | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND      |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên bán hàng | 3.218.610.413        | 3.334.697.279        |
| Chi phí vật liệu, bao bì   | 410.086.015          | 128.445.390          |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng   | 3.180.318            | 12.465.047           |
| Chi phí khấu hao TSCĐ      | 443.405.139          | 559.415.521          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 5.411.415.285        | 3.601.494.060        |
| Chi phí bằng tiền khác     | 386.230.967          | 87.683.546           |
| <b>Cộng</b>                | <b>9.872.928.137</b> | <b>7.724.200.843</b> |

#### 5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                      | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND      |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý            | 3.983.115.027        | 3.507.536.262        |
| Chi phí vật liệu quản lý             | 2.497.820            | 20.908.822           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng            | 310.352.297          | 334.323.737          |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                | 609.022.021          | 442.046.779          |
| Thuế, phí và lệ phí                  | 47.282.213           | 28.382.877           |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | (1.145.122.966)      | 1.195.084.744        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài            | 1.728.116.386        | 1.762.978.512        |
| Chi phí bằng tiền khác               | 425.220.036          | 62.224.106           |
| <b>Cộng</b>                          | <b>5.960.482.834</b> | <b>7.353.485.839</b> |

(Xem trang tiếp theo)

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 5.7. Thu nhập khác

|                   | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND      |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lãi trả chậm | -                    | 114.208.710          |
| Thu nhập bảo hành | 1.605.833.669        | 1.923.338.114        |
| Thu nhập khác     | 53.405.802           | 40.025.089           |
| <b>Cộng</b>       | <b>1.659.239.471</b> | <b>2.077.571.913</b> |

#### 5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm 2025<br>VND        | Năm 2024<br>VND       |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí hàng thương mại          | 49.515.717.423         | 38.488.793.285        |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 34.114.377.989         | 25.139.735.202        |
| Chi phí nhân công                | 21.548.446.629         | 18.503.910.778        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.497.692.409          | 3.196.072.872         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 8.423.255.250          | 7.245.246.452         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 3.359.966.627          | 4.650.567.578         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>120.459.456.327</b> | <b>97.224.326.167</b> |

#### 5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

|  | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND      |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm     | 26.019.885.516       | 10.933.747.736       |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng            | 271.305.908          | 128.688.039          |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm             | (298.365)            | (9.503.264)          |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh | 26.290.893.059       | 11.052.932.511       |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành              | 20%                  | 20%                  |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>         | <b>5.258.178.612</b> | <b>2.210.586.502</b> |

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

(Xem trang tiếp theo)

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, lắp đặt thiết bị dây chuyền xi mạ và kinh doanh hóa chất xử lý bề mặt kim loại. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận thành một khoản mục riêng biệt trong thuyết minh báo cáo tài chính.

### 7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

| Danh sách các bên liên quan                                    | Mối quan hệ  |
|--|--|
| 1. Ông Kỳ Minh Du  | Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT, cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công                       | Công ty liên kết   |
| 3. Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất                       | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 4. Công ty TNHH SX Thương mại Minh Chất                        | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 5. Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn                              | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 6. Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội                               | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 7. Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất                        | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 8. Công ty TNHH Triệu Nhất                                     | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 9. Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt                  | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 10. Công ty TNHH Hưng Nhất                                     | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 11. Công ty TNHH Haola   | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 12. Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt                          | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 13. Công ty TNHH S-Chem  | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 14. Công ty TNHH Hóa chất Nam Phương                           | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 15. Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Nhất                           | Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt                         |
| 16. Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc; Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt   |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

|  | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu thương mại:                       |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất      | 1.836.000                     | -                             |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Chất | 47.979.000                    | 593.382.320                   |
| Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất       | 39.441.600                    | 14.171.760                    |
| Công ty TNHH Hưng Nhất                     | 1.417.783.520                 | 675.352.535                   |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công      | 957.009.744                   | 803.555.520                   |
| Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt          | 2.160.000                     | -                             |
| <b>Cộng - Xem thêm Mục 4.3</b>             | <b>2.466.209.864</b>          | <b>2.086.462.135</b>          |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

|  | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Trả trước cho người bán:                   |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất       | 1.524.600.000                 | 1.524.600.000                 |
| Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt | -                             | 1.219.680.000                 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Nhất           | 193.900.000                   | -                             |
| <b>Cộng - Xem thêm Mục 4.4</b>             | <b>1.718.500.000</b>          | <b>2.744.280.000</b>          |

|   | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khác:  |                               |                               |
| Ông Kỳ Minh Du – Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT – Phải thu về tạm ứng (*) | 7.599.000.930                 | -                             |
| Công ty TNHH S-Chem – Phải thu về ký cược, ký quỹ                             | 15.000.000                    | -                             |
| <b>Cộng - Xem thêm Mục 4.5</b>  | <b>7.614.000.930</b>          | <b>-</b>                      |

(\*) Công ty tạm ứng cho Ông Kỳ Minh Du theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07.3/2025/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 10 năm 2025 để sử dụng cho các công việc chuẩn bị, khảo sát, đàm phán sơ bộ và các bước cần thiết khác nhằm đảm bảo quyền ưu tiên thuê đất cho Công ty tại xã Phước An, tỉnh Đồng Nai.

|  | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả thương mại:                       |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất      | (508.663.152)                 | (4.102.991.694)               |
| Công ty TNHH Triệu Nhất                    | (2.700.005)                   | (32.560.000)                  |
| Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt | (141.833.970)                 | -                             |
| <b>Cộng - Xem thêm Mục 4.11</b>            | <b>(653.197.127)</b>          | <b>(4.135.551.694)</b>        |

(Xem trang tiếp theo)

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

|  | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ:              |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Việt Nhất      | 112.079.000           | 85.730.000            |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Chất | 805.117.250           | 1.817.051.000         |
| Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn             | 171.255.000           | 224.606.000           |
| Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội              | 252.425.000           | 226.775.000           |
| Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nhất       | 180.250.000           | 104.923.000           |
| Công ty TNHH Hưng Nhất                     | 3.006.423.200         | 3.123.423.250         |
| Công ty TNHH Haola                         | 610.000               | 610.000               |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Tinh Công      | 9.065.289.600         | 14.595.565.700        |
| Công ty TNHH Công nghiệp Kiến Đạt          | 8.000.000             | 6.000.000             |
| Công ty TNHH S-Chem                        | 129.800.000           | 1.900.000             |
| Công ty TNHH Hóa chất Nam Phương           | -                     | 126.000.000           |
| Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt | -                     | 1.850.000             |
| <b>Cộng - Xem thêm Mục 5.1</b>             | <b>13.731.249.050</b> | <b>20.314.433.950</b> |

|  | Năm 2025<br>VND       | Năm 2024<br>VND       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Mua hàng hoá và dịch vụ:                   |                       |                       |
| Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Việt Nhất      | 41.074.662.851        | 36.209.728.670        |
| Công ty TNHH Triệu Nhất                    | 15.635.010            | 64.440.000            |
| Công ty TNHH Hưng Nhất                     | 58.500.000            | 123.590.000           |
| Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt | 2.626.555.000         | -                     |
| Công Ty Cổ Phần Môi Trường Việt Nhất       | 3.285.000.000         | -                     |
| Công ty TNHH S-Chem                        | 64.000.000            | -                     |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Việt Nhất           | 300.000.000           | -                     |
| <b>Cộng</b>                                | <b>47.424.352.861</b> | <b>36.397.758.670</b> |

|   | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND |
|---|----------------------|-----------------|
| Tạm ứng:  |                      |                 |
| Ông Kỹ Minh Du – Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT | 7.599.000.930        | -               |
| <b>Cộng</b>   | <b>7.599.000.930</b> | <b>-</b>        |

|                     | Năm 2025<br>VND | Năm 2024<br>VND |
|---------------------|-----------------|-----------------|
| Ký quỹ:             |                 |                 |
| Công ty TNHH S-Chem | 15.000.000      | -               |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của các thành viên HĐQT Công ty trong năm như sau:

| Tên                   | Chức vụ    | Năm 2025<br>VND   | Năm 2024<br>VND |
|-----------------------|------------|-------------------|-----------------|
| Ông Lin Fu Lung       | Chủ tịch   | 10.000.000        | -               |
| Ông Kỹ Minh Du        | Thành viên | 8.000.000         | -               |
| Bà Tôn Nữ Bảo Vy      | Thành viên | 8.000.000         | -               |
| Bà Hà Lệ Phương       | Thành viên | 8.000.000         | -               |
| Bà Chi Tsui Ling      | Thành viên | 8.000.000         | -               |
| Ông Chao Leng Tso     | Thành viên | 8.000.000         | -               |
| Ông Chi, Wei-Shiu     | Thành viên | 8.000.000         | -               |
| Ông Nguyễn Thành Lanh | Thành viên | 8.000.000         | -               |
| Ông Chi, Wei-Shiu     | Thành viên | 8.000.000         | -               |
| <b>Cộng</b>           |            | <b>74.000.000</b> | <b>-</b>        |

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

| Tên                   | Chức vụ                  | Năm 2025<br>VND      | Năm 2024<br>VND      |
|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Kỹ Minh Du        | Thành viên HĐQT kiêm TGD | 668.629.000          | 663.692.000          |
| Ông Chi, Wei-Shiu     | Thành viên HĐQT          | 329.216.668          | 194.357.847          |
| Ông Nguyễn Thành Lanh | Thành viên HĐQT          | 847.161.035          | 736.065.290          |
| Ông Chang Chia Lin    | Phó Tổng giám đốc        | 595.585.000          | 533.450.000          |
| Ông Zhang Jian Jun    | Phó Tổng giám đốc        | 624.305.000          | 533.022.222          |
| <b>Cộng</b>           |                          | <b>3.064.896.703</b> | <b>2.660.587.359</b> |

Thù lao của Ban kiểm soát Công ty trong năm như sau:

| Tên                     | Chức vụ    | Năm 2025<br>VND   | Năm 2024<br>VND |
|-------------------------|------------|-------------------|-----------------|
| Bà Lê Thị Lan Anh       | Trưởng ban | 8.000.000         | -               |
| Bà Huỳnh Thị Phương Nam | Thành viên | 7.000.000         | -               |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Em   | Thành viên | 7.000.000         | -               |
| <b>Cộng</b>             |            | <b>22.000.000</b> | <b>-</b>        |

(Xem trang tiếp theo)

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
  - + Rủi ro lãi suất
  - + Rủi ro tiền tệ
  - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

|                                      | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Tài sản tài chính:</b>            |                               |                               |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 13.692.854.626                | 25.792.400.876                |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 17.142.120.997                | 17.229.600.795                |
| Đầu tư ngắn hạn                      | 36.200.000.000                | 24.000.000.000                |
| <b>Cộng</b>                          | <b>67.034.975.623</b>         | <b>67.022.001.671</b>         |
| <b>Công nợ tài chính:</b>            |                               |                               |
| Các khoản vay                        | 10.272.461                    | 24.680.000                    |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 3.155.675.180                 | 15.021.637.232                |
| Chi phí phải trả                     | 527.894.627                   | 698.102.153                   |
| <b>Cộng</b>                          | <b>3.693.842.268</b>          | <b>15.744.419.385</b>         |

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

|                                      | Tại ngày<br>31/12/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2025<br>VND |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền và tương đương tiền             | 13.692.854.626                | 25.792.400.876                |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 17.142.120.997                | 17.229.600.795                |
| <b>Cộng</b>                          | <b>30.834.975.623</b>         | <b>43.022.001.671</b>         |

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Mục 4.6 cung cấp những phân tích về dự phòng phải thu khó đòi.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

### Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

|                            | Vay<br>VND        | Nợ phải trả<br>VND    | Cộng<br>VND           |
|----------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|
| Dưới 01 năm                | 10.272.461        | 3.683.569.807         | 3.693.842.268         |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>10.272.461</b> | <b>3.683.569.807</b>  | <b>3.693.842.268</b>  |
|                            | Vay<br>VND        | Nợ phải trả<br>VND    | Cộng<br>VND           |
| Dưới 01 năm                | 24.680.000        | 15.719.739.385        | 15.744.419.385        |
| <b>Tại ngày 01/01/2025</b> | <b>24.680.000</b> | <b>15.719.739.385</b> | <b>15.744.419.385</b> |

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

(Xem trang tiếp theo)

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN tt

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

|  | Năm 2024<br>VND    | Năm 2024<br>VND             |
|--|--------------------|-----------------------------|
|  | (Được báo cáo lại) | (Đã được báo cáo trước đây) |

|                                      |     |       |
|--------------------------------------|-----|-------|
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 862 | 1.090 |
|--------------------------------------|-----|-------|

Việc báo cáo lại thông tin so sánh "Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu" là do sự khác biệt giữa tỷ lệ tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi kế hoạch được sử dụng để ước tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu khi phát hành báo cáo tài chính năm trước và tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua sau đó và số cổ phần lưu hành bình quân trong năm được báo cáo lại để bảo đảm tính so sánh do có phát hành cổ phiếu thưởng.

### 10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phê duyệt

Kỳ Minh Du  
Tổng Giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Hằng  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026

## XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ



Tổng Giám Đốc

KỶ MINH DU



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ**



Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu phố Khánh Lộc, Phường Tân Hiệp, TP. Hồ Chí Minh



0274.7301718



[www.halo.net.vn](http://www.halo.net.vn)